



DSPACE

<https://dspace.org/>

**Phát huy sức mạnh tổng hợp trong thị trường công nghiệp
hoá học và công nghệ: Tài liệu tham khảo**

Nguyễn Huy Liêm

2003

Trường Đại học CSND

<https://library.dhcsnd.edu.vn/handle/123456789/140>

**BỘ CÔNG AN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẢNH SÁT NHÂN DÂN**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO
PHÁT HUY SỨC MẠNH TỔNG HỢP
TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA,
HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC**
(Dùng cho sinh viên Đại học CSND)

Lưu hành nội bộ

TP. HỒ CHÍ MINH – 2003

TÀI LIỆU ĐƯỢC HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐHCSD

- *Công nhận kết quả biên soạn tại Quyết định số 6102/QĐ-T48(NCKH) ngày 15 tháng 12 năm 2003.*
- *Ban hành và sử dụng tại Quyết định số 6198/QĐ-T48(NCKH) ngày 31 tháng 12 năm 2003.*

TS. ĐINH HUY LIÊM

Chủ biên

Tham gia biên soạn:

TS. Đinh Huy Liêm: *Bài 1*

ThS. Phùng Văn Nam: *Bài 2*

TS. Nguyễn Văn Nghệ: *Bài 3*

CN. Phạm Văn Vương: *Bài 4*

ThS. Ngô Sỹ Thành: *Bài 5*

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu.....	1
<i>Bài 1:</i> Phát huy sức mạnh tổng hợp trong tổ chức phong trào quần chúng đấu tranh phòng chống tội phạm ở thành phố Hồ Chí Minh	2
<i>Bài 2:</i> Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ Quốc trong đấu tranh chống tệ nạn xã hội ở thành phố Phan Thiết, Bình Thuận.....	10
<i>Bài 3:</i> Kinh tế tư bản tư nhân hoạt động trong lĩnh vực thương mại ở tỉnh Đồng Nai hiện nay	20
<i>Bài 4:</i> Phát huy nhân tố tích cực của tôn giáo trong việc tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc của người Chăm ở tỉnh Bình Thuận.....	28
<i>Bài 5:</i> Mối quan hệ giữa dân chủ và chủ nghĩa xã hội trong công cuộc đổi mới xã hội ở nước ta	32

LỜI NÓI ĐẦU

Nhằm cụ thể hóa những nội dung cơ bản của đường lối Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX trong những lĩnh vực quan trọng, từ ngày 13 tháng 1 năm 2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa IX đã họp tại Thủ đô Hà Nội. Hội nghị đã thông qua bốn nghị quyết quan trọng: *Về phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc vì “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”*; *Về công tác dân tộc*; *Về công tác tôn giáo*; *Về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.

Để quán triệt kịp thời các nghị quyết trên đây của Đảng vào nội dung giảng dạy, giúp sinh viên có thêm cơ sở lý luận và thực tiễn trong học tập các môn lý luận chính trị, Bộ môn Mác – Lênin và khoa học xã hội nhân văn thực hiện sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu tổ chức biên soạn *Tài liệu tham khảo – Phát huy sức mạnh tổng hợp trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.

Tài liệu gồm các bài viết của các đồng chí giảng viên bộ môn Mác–Lênin và KHXHNV đã có kinh nghiệm trong giảng dạy, nghiên cứu thực tế nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận chuyên sâu và những tư liệu thực tế thu thập được liên quan tình hình ANTT ở một số địa phương.

Tuy nhiên, nội dung tài liệu không thể tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót, rất mong đồng nghiệp và sinh viên phê bình, góp ý.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu tài liệu tham khảo cùng bạn đọc.

BỘ MÔN MÁC-LÊNIN VÀ KHXHNV

Bài 1

PHÁT HUY SỨC MẠNH TỔNG HỢP TRONG TỔ CHỨC PHONG TRÀO QUÂN CHÚNG ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phát huy sức mạnh tổng hợp luôn luôn là vấn đề mang tính chiến lược của cách mạng nước ta. Ngày nay, trước yêu cầu đổi mới càng đi sâu, việc huy động đồng thời nhiều lực lượng, nhiều tổ chức cùng tham gia vào việc tổ chức, quản lý xã hội càng trở nên yêu cầu cấp thiết hơn bao giờ hết.

Trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, với phạm vi cả nước cũng như trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, đòi hỏi sự tham gia của đông đảo các tầng lớp nhân dân, với sự phối hợp một cách đồng bộ của tất cả các tổ chức thuộc hệ thống chính trị, nhất là hệ thống chính trị cấp cơ sở phường, xã, thị trấn.

Yêu cầu nêu trên không có gì mới về lý luận cũng như thực tiễn. Vấn đề đặt ra là trong những năm gần đây, ở thành phố Hồ Chí Minh, một địa bàn sôi động nhất của cả nước về những chuyển biến kinh tế – xã hội, một trọng điểm của cả nước về phòng, chống tội phạm, thì việc phát huy sức mạnh tổng hợp trong tổ chức phong trào quần chúng đấu tranh phòng chống tội phạm đã được thực hiện như thế nào? Những giải pháp nào cho thời gian tới? Đó là vấn đề mà chúng tôi cố gắng tìm hiểu, làm sáng tỏ hơn, nhằm xây dựng tài liệu tham khảo, phục vụ cho môn học xây dựng Đảng, lịch sử Đảng và môn học khác ở phân hiệu HVCSND.

Để giải quyết vấn đề trên, chúng tôi dựa vào nguồn tài liệu của CATP Hồ Chí Minh, bao gồm các kế hoạch, phương án, báo cáo sơ kết, tổng kết; của UBMTTQ thành phố Hồ Chí Minh; của một số tổ chức đoàn thể các cấp của thành phố trong mấy năm qua đã trực tiếp tham gia phòng chống tội phạm trên địa bàn thành phố. Bên cạnh đó, tư liệu được chúng tôi thu thập qua khảo sát thực tế gần đây ở một số quận, huyện cũng là cơ sở để xây dựng tài liệu tham khảo này. Tài liệu này gồm 2 phần: Tình hình đặc điểm liên quan đến công tác phòng chống tội phạm ở thành phố Hồ Chí Minh; Sức mạnh tổng hợp trong việc tổ chức phong trào đấu tranh phòng chống tội phạm ở thành phố Hồ Chí Minh

1. Tình hình đặc điểm liên quan đến công tác phòng chống tội phạm ở thành phố Hồ Chí Minh

1.1. Đặc điểm chung của thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh có địa bàn khá rộng, với diện tích 2093,7 km², dân số là 5,12 triệu người; trong đó, dân số nội thành chiếm 83,5%. Thành phố Hồ Chí Minh tiếp giáp với tỉnh Bình Dương (phía Bắc), tỉnh Tây Ninh (phía Tây Bắc), tỉnh Đồng Nai (phía Đông Bắc), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (phía Đông-Nam), tỉnh Long An và Tiền Giang (phía Tây Nam); còn phía Nam giáp với biển Đông có bờ biển dài khoảng 15 km.

Đặc điểm về vị trí địa lý như trên đã trực tiếp ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự ở thành phố Hồ Chí Minh. Nhất là trong những năm gần đây, tại các địa bàn giáp ranh với 6 tỉnh, tình hình an ninh, trật tự đã trở nên hết sức phức tạp.

Thành phố Hồ Chí Minh có 17 quận và 5 huyện, bao gồm 303 phường, xã, thị trấn, với cơ cấu dân cư đa dạng, từ vùng đô thị sầm uất đến vùng xa, hẻo lánh; từ

vùng công nghiệp tập trung đến vùng thuần nông truyền thống. Đặc biệt, thành phố Hồ Chí Minh nằm giữa vùng tài nguyên phong phú về nông sản và cây công nghiệp, rừng, khoáng sản và dầu khí của đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ, Nam Tây Nguyên.

Tại đây, cơ sở hạ tầng khá phát triển với hệ thống đường bộ, đường thủy, đường không khá hoàn chỉnh. Đây là nơi tập trung lớn nhất các khu công nghiệp, khu chế xuất của cả nước. Hiện thành phố Hồ Chí Minh có 11 khu chế xuất và khu công nghiệp đã đi vào hoạt động¹; theo quy hoạch xây dựng đến năm 2010, số lượng này là 15.

Chính vì vậy, thành phố Hồ Chí Minh thu hút mạnh sự đầu tư của nước ngoài, là nơi hội tụ làm ăn, sinh sống của nhiều người ở khắp mọi miền của đất nước. Trong đó, không ít những kẻ làm ăn phi pháp, bọn phạm tội lấy thành phố Hồ Chí Minh làm địa bàn hoạt động, ẩn náu.

Tình hình đó đặt ra yêu cầu là phải huy động sức mạnh tổng hợp của nhiều lực lượng, nhiều tổ chức trong công tác phòng chống tội phạm, nhất là trong quá trình đô thị hóa mạnh mẽ của thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Tình hình hoạt động tội phạm ở thành phố Hồ Chí Minh

Theo số liệu thống kê được của CA thành phố Hồ Chí Minh, cho thấy tình hình phạm pháp hình sự xảy ra qua các năm 1995, 1996, 2000, 2001 như sau²:

Stt	Loại vụ việc phạm pháp	1995	1996	2000	2001
1	Buôn bán hàng cấm	39	48	1.301	819
2	Kinh doanh trái phép	356	521	265	155
3	Sản xuất hàng giả	82	89	23	18
4	Xâm phạm tài sản XHCN				
	Trộm cắp	75	66	50	24
	Tham ô	14	12	17	2
	Lừa đảo	10	19	2	5
	Thiếu tinh thần trách nhiệm...	18	10	1	2
5	Giết người	158	142	94	123
6	Cố ý gây thương tích	1.346	1.315	614	556
7	Hiếp dâm	100	93	69	53
8	Bắt cóc	3	2	3	1
9	Cướp của	550	594	329	317
10	Cướp giật	2.717	2.803	2.066	1.935
11	Trộm cắp TS công dân	7.582	7.520	5.340	4.863
12	Lừa đảo ch.đoạt TS công dân	507	487	506	429
13	Phạm pháp khác	1.330	1.305	3.945	753

1. Cĩ 2 khu chế xuất: Tn Thuận (Q7), Linh Trung (Thủ Đức). Cĩ 9 khu công nghiệp: Tn Tạo (Bình Chánh), Hiệp Phước (Nhĩ B), Bình Chiểu (Thủ Đức), Cĩ Lĩ (Q2), Vĩnh Lộc, L Minh Xuân (Bình Chánh), Tn Thới Hiệp (Q12), Tn Bình (Tn Bình), Bắc Củ Chi (Củ Chi).

2. Truy cập www.hochiminhcity.gov.vn

Riêng năm 2002, tình hình vụ việc diễn ra như sau³:

- 109 vụ giết người, 209 vụ cướp của, 1551 vụ cướp giật, 40 vụ cưỡng đoạt tài sản, 59 vụ hiếp dâm, 545 vụ cố ý gây thương tích, 44 vụ chống người thi hành công vụ, 4.562 vụ trộm cắp...

- Phát hiện 1.315 vụ vi phạm kinh tế, tạm giữ hàng hóa chờ xử lý trị giá 47 tỷ đồng và 963 ngàn gói thuốc lá ngoại. Trong đó có 503 vụ vận chuyển, tàng trữ, buôn bán hàng hóa trốn thuế; 462 vụ kinh doanh vận chuyển thuốc lá ngoại; 350 vụ sản xuất kinh doanh hàng hóa trái phép.

- Đã xảy ra 33 vụ xâm phạm tài sản XHCN, làm thiệt hại tài sản trị giá hơn 30 tỷ đồng. So với năm 2001 tăng 19 vụ (1,3 lần).

- Về tệ nạn xã hội, phát hiện 1.283 vụ với 1.749 tên buôn bán, tàng trữ, vận chuyển ma túy và 1.182 vụ với 2.406 tên sử dụng các chất ma túy. Thu giữ 17,4 kg heroin, 8 ngàn liều heroin, 739 tép, 155 cục heroin, 565,4 kg thuốc phiện, 8 ngàn liều thuốc phiện và 849 ống tân dược gây nghiện, 27 ngàn viên ma túy tổng hợp. Trong đó có 11 tổ chức vận chuyển số lượng lớn ma túy từ nước ngoài và các tỉnh vào thành phố tiêu thụ. Đặc biệt, hải quan thành phố đã phát hiện 3 vụ, mang 833 gram heroin, 4.982 viên ma túy tổng hợp và 300.000 viên chất hướng thần (Peu dopheerin) qua cửa khẩu vào thành phố.

- Triệt phá được 140 ổ mại dâm trá hình, bắt giữ 217 tên chủ chứa, môi giới mại dâm và 515 gái mại dâm. Thành phố hiện có 89 địa bàn trọng điểm về mại dâm (thuộc 17 quận huyện). Số gái mại dâm khoảng 15.000 người, trong đó số được quản lý, giáo dục, chữa bệnh chiếm khoảng 20%.

2. Sức mạnh tổng hợp trong việc tổ chức phong trào đấu tranh phòng chống tội phạm ở thành phố Hồ Chí Minh

2.1. Sự phối hợp lực lượng, tổ chức quần chúng nhân dân tham gia các phong trào, các cuộc vận động lớn nhằm phòng, chống tội phạm

Sự phối hợp lực lượng được thể hiện trong các mặt hoạt động sau đây:

- *Xây dựng cơ chế phối hợp có hiệu quả:*

Quán triệt các chủ trương của Đảng và nhà nước, Nghị quyết liên tịch giữa Mặt trận Tổ quốc và Bộ Công an, ở thành phố Hồ Chí Minh, các cấp ủy Đảng đã chỉ đạo chặt chẽ các tổ chức thuộc hệ thống chính trị tham gia, phối hợp trong công tác giữ gìn an ninh chính trị và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Thành phố đã thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết liên tịch. Theo đó, công an thành phố đã chủ động ký kết và thực hiện 2 Nghị quyết liên tịch với Hội Cựu chiến binh thành phố (Nghị quyết 01) và với Đoàn Thanh niên thành phố Hồ Chí Minh (Nghị quyết 02). Ngoài ra, công an thành phố còn phối hợp với các tổ chức khác như Hội Nông dân, Hội Phụ nữ nhằm tổ chức hội viên vào công tác phòng, chống tội phạm, phòng, chống ma túy.

Cơ chế được thực hiện trong quá trình tổ chức là “Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, mặt trận và các đoàn thể làm nòng cốt vận động, công an làm tham mưu”.

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết liên tịch, công an và Mặt trận Tổ quốc các cấp đã phối hợp chặt chẽ và thống nhất hành động trong các khâu như: thông tin trao đổi tình hình, vận động tổ chức phong trào, góp ý phê bình, xây dựng

3. Truy cập www.hochiminhcity.gov.vn

lực lượng công an trong sạch, vững mạnh. Việc phối hợp thực hiện luôn chú trọng cả 2 mặt: *phòng ngừa và tấn công* tội phạm, trong đó phòng ngừa là mặt công tác được chú trọng hơn.

Cơ chế trên từng bước được củng cố, tăng cường thông qua các cuộc giao ban định kỳ hay đột xuất. Hướng củng cố theo hướng chỉ đạo sát cơ sở, thực hiện dứt điểm từng việc trong từng địa bàn, trong từng thời điểm cụ thể, nhằm phát huy cao nhất tinh thần làm chủ của quần chúng nhân dân trong phòng chống tội phạm.

- *Tuyên truyền giáo dục quần chúng nhân dân, tổ chức các phong trào:*

Việc tuyên truyền giáo dục quần chúng, cũng như tổ chức các phong trào quần chúng luôn luôn là nội dung trọng tâm của sự phối hợp các tổ chức, các lực lượng ở thành phố Hồ Chí Minh.

Các tổ chức đã chủ động tuyên truyền, giúp cho nhân dân nhận thức và tự giác thực hiện xây dựng môi trường xã hội, trong đó chú trọng hạn chế những điều kiện dễ nảy sinh tội phạm, như tình trạng thiếu việc làm, những va chạm trong đời sống sinh hoạt hàng ngày tại cộng đồng dân cư... Các cuộc vận động lớn được tổ chức như: *“xây dựng đời sống mới ở cộng đồng dân cư”*, *“vận động đối tượng phạm tội ra đầu thú, tự thú”* (kế hoạch 188/CATP); *“vận động toàn dân tham gia giáo dục, cảm hóa những người làm lỗi ở cộng đồng dân cư”* (kế hoạch 144/CATP); *“phong trào phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong việc phòng chống tội phạm trên địa bàn phường, xã, thị trấn”* (kế hoạch 24/CATP)...

Điều đáng lưu ý là các cuộc vận động này được tổ chức một cách chặt chẽ, có tính hệ thống từ cấp thành phố xuống quận, huyện, xã, phường, thị trấn. Mặt khác, các cuộc vận động quần chúng tham gia phòng chống tội phạm thường được gắn với các cuộc vận động khác như: *“Đền ơn đáp nghĩa”*, *“Xóa đói giảm nghèo”*, *“Xây dựng nhà tình thương, nhà tình nghĩa”*, Riêng trong lực lượng công an thành phố Hồ Chí Minh có các phong trào như: *giúp dân ở các khu phố, xóm nghèo; chăm lo những người bất hạnh neo đơn; giáo dục, giúp đỡ thanh niên, thiếu niên chưa ngoan; hòa giải các vụ việc mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân; xây dựng lực lượng cốt cán, an ninh cơ sở... Qua đó, nhiều cán bộ, chiến sĩ đã phát huy tốt vai trò trách nhiệm của mình, trở thành những nhân tố gương mẫu, điển hình có tác dụng làm gương cho quần chúng noi theo.*

- *Trong quá trình thực hiện, Công an thành phố đã làm tham mưu cho các cấp ủy, chính quyền nhằm vận động nhân dân hăng hái tham gia:*

Công an thành phố đã ban hành một số quy định, kế hoạch như: *Quy định số 16/CATP về việc phải công khai cho dân biết trong công tác quản lý, giáo dục đối tượng tại phường, xã, thị trấn; Quy định số 18/CATP về thực hiện dân chủ rộng công tác giữ gìn an ninh, trật tự....*

Để tập hợp quần chúng vào các cuộc vận động rộng lớn nói trên, công an thành phố đã cùng với Mặt trận, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội Cựu chiến binh,... tổ chức 669 đợt tập huấn cho cán bộ chủ chốt, với 104.394 lượt người tham dự; kê hàng ngàn tấm pa nô, khẩu hiệu, áp phích tuyên truyền thực hiện các kế hoạch trên. Tổ chức thực hiện thí điểm ở 2.783 điểm trong 22 quận, huyện. Quá trình thực hiện, công an thành phố thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra. Cụ thể là đã tổ chức 838 cuộc kiểm tra tập trung ở các địa bàn trọng điểm phức tạp; thực hiện đồng loạt 1.257 cuộc kiểm tra, chủ yếu là cơ sở phường, xã, thị trấn. Trong kiểm tra, thành phố đã huy động các ban ngành cùng tham gia, lấy lực lượng công

an làm nòng cốt. Qua kiểm tra, thành phố đã kịp thời chấn chỉnh những sơ hở thiếu sót; tiến hành sơ kết, tổng kết các phong trào quần chúng đấu tranh phòng chống tội phạm. Đặc biệt, qua những dịp tổng kết 2 năm (1991-1992), 5 năm (1991-1995), 3 năm (1995-1997), thành phố đã đánh giá đầy đủ các mặt ưu, khuyết điểm và rút ra những kinh nghiệm quý cho phong trào quần chúng tham gia phòng chống tội phạm⁴.

- *Củng cố các tổ chức tự quản, đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”:*

Để làm nền tảng cho phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc tại cơ sở và phát huy sâu rộng tính dân chủ trong công tác phòng chống tội phạm, công an thành phố Hồ Chí Minh đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc tiến hành củng cố được 1610 Ban điều hành phố, Bàn nhân dân ấp; 22.937 tổ dân phố, tổ nhân dân; 62.639 nhóm hộ gia đình tự quản; thành lập 12.683 tổ hòa giải nhân dân với 34.517 người tham gia, hòa giải thành công 62.231 vụ, việc phát sinh tại cộng đồng dân cư. Hệ thống tổ chức nhân dân tự quản này đã cho thấy tác dụng lớn trong công tác phòng chống tội phạm, nhất là tại địa bàn dân cư.

Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư” cũng ngày càng được đẩy mạnh. Từ năm 1995 đến năm 2000 có 1.144.064 lượt hộ gia đình được công nhận là *gia đình văn hóa* cấp phường, xã; 11.259 lượt hộ được công nhận là *gia đình văn hóa* cấp quận, huyện; 820 lượt hộ được công nhận là *gia đình văn hóa* cấp thành phố. Có 2.252 lượt khu dân cư đạt tiêu chuẩn *khu dân cư tiên tiến*; 951 lượt *khu dân cư xuất sắc*; 1.345 lượt cơ quan, đơn vị được quận, huyện và thành phố công nhận là *cơ sở văn minh, sạch đẹp, an toàn*. Những điển hình này không chỉ phản ánh đời sống văn hóa của cộng đồng dân cư trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mà còn có tác dụng rõ rệt trong công tác phòng chống tội phạm.

2.2. Kết quả đạt được của phong trào quần chúng phòng chống tội phạm, ma túy

Nhờ thực hiện nhiều biện pháp, nhất là việc phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng, nên ở thành phố Hồ Chí Minh, phong trào quần chúng tham gia phòng chống tội phạm đã có chuyển biến quan trọng. Một số kết quả nổi bật như sau⁵:

- Trong 10 năm, nhờ phát huy sức mạnh tổng hợp trong công tác tuyên truyền, giáo dục, giác ngộ, nên quần chúng đã cung cấp cho công an và chính quyền cơ sở 253.516 tin. Trong đó, 174.144 tin có giá trị, giúp công an điều tra khám phá 52.836 vụ phạm pháp hình sự, bắt 61.496 đối tượng. Quần chúng đã trực tiếp tố giác 12.749 đối tượng phạm tội, giúp công an kịp thời ngăn chặn, xử lý. Quần chúng vận động được 4.157 đối tượng có lệnh truy nã hoặc phạm tội bỏ trốn ra tự thú, tự báo. Mặt khác, quần chúng còn giúp công an thu hồi được 1.064 súng quân dụng các loại, 78.963 viên đạn, 11.189 vật liệu nổ và 14.569 hung khí, vũ khí khác.

⁴ .Dẫn theo *Bài phát biểu của Đ/c Nguyễn Chí Dũng tại hội nghị Tổng kết 10 năm thực hiện nghị quyết liên tịch Mặt trận – Công an (1991-2001)*.

⁵ .Dẫn theo *Bài phát biểu của ã /c Nguyễn Chí Dũng tại hội nghị Tổng kết 10 năm thực hiện nghị quyết liên tịch Mặt trận – Công an (1991-2001)*.

- Trong công tác quản lý, giáo dục đối tượng tại cộng đồng dân cư, quần chúng nhân dân đã phát huy tốt vai trò của mình, nhất là tại địa bàn cơ sở. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ từ năm 1990 đến 2001 đã có 518.767 lượt người tham gia vào quản lý, giúp đỡ, cảm hóa cho 45.874 người làm lỗi, 38.059 thanh thiếu niên hư. Qua đó, có 29.233 đối tượng hình sự, 16.710 thanh, thiếu niên hư đã có những tiến bộ nhất định và từng bước hòa nhập vào cộng đồng dân cư. Nhiều thanh niên được kết nạp vào các Hội, vào Đoàn thanh niên, nhiều đối tượng hoàn lương trở thành đội viên dân phòng dũng cảm, những người lao động sản xuất giỏi.

- Về phòng chống ma túy, phong trào đã diễn ra mạnh mẽ và rộng khắp. Theo số liệu thống kê của công an thành phố Hồ Chí Minh, từ năm 1997, số người nghiện ma túy tăng mỗi năm trên 30%. Đến tháng 12 năm 2000 toàn thành phố có 16.217 người nghiện, phần lớn là lứa tuổi thanh thiếu niên, trong đó có hàng trăm con nghiện là học sinh, sinh viên. Trước tình hình đó, thành phố đã tổ chức các cuộc hội thảo, trao đổi kinh nghiệm, nhằm tìm ra các biện pháp để khắc phục tình hình. Một giải pháp quan trọng được thực hiện là phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức thuộc hệ thống chính trị cơ sở dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp Đảng, chính quyền. Công an thành phố đã phối hợp chặt chẽ với nhiều ngành, kết hợp các biện pháp kinh tế, chính trị tư tưởng, hành chính và pháp luật. Thành phố chỉ đạo các cơ quan liên quan phối hợp vừa thực hiện chế tài bằng pháp luật, vừa vận động mở rộng sự cuu mang, bảo lãnh, giúp đỡ nhau trong cộng đồng dân cư nhằm phòng chống ma túy. Biện pháp được thực hiện như mở câu lạc bộ để giáo dục, đưa đối tượng vào các đội nhóm ("*nhóm tự lực*", "*nhóm tự nghị*", "*bạn giúp bạn*"); mở các trung tâm dân lập để quy tụ những tấm lòng hảo tâm; lấy người đã được cảm hóa, hoàn lương để giáo dục thuyết phục những người có nguy cơ mắc nghiện phạm pháp, phạm tội. Tại các trường học, xây dựng các khẩu hiệu "*Lớp học không có ma túy*", "*Cổng trường sạch đẹp không có hàng quán*", "*Ao trắng thẳng tiên nâu*", "*Không giữ, không thử ma túy*", ...

Với những biện pháp tích cực đó, kết quả đạt được trong công tác phòng chống ma túy là rất khả quan. Theo số liệu thống kê của công an thành phố Hồ Chí Minh, đến tháng 9/2001, số người nghiện ma túy trên địa bàn thành phố là 15.441 người (giảm 776 người so với năm 2000). Đặc biệt, Có 134 khu dân cư được các địa phương công nhận không có tụ điểm ma túy, không có người nghiện ma túy. Từ năm 1990 đến 2001 đã tổ chức cai nghiện cho 10.780 người nghiện ma túy; có 2.420 người nghiện ma túy đã tiến bộ, hòa nhập vào cộng đồng.

- Qua công tác phòng chống tội phạm, nhiều mô hình được xây dựng và tỏ rõ hiệu quả, phù hợp với tình hình đặc điểm của thành phố Hồ Chí Minh trong những năm qua.

Qua thực hiện các cuộc vận động lớn, ở thành phố Hồ Chí Minh đã xuất hiện ngày càng nhiều mô hình quần chúng phòng chống tội phạm, ma túy, có những mô hình đã được phổ biến rộng rãi. Đó là những mô hình như: *đội dân phòng chuyên trách, bán chuyên trách, dân phòng rộng rãi; đội thanh niên xung kích phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, phòng cháy, chữa cháy; đội thanh niên tình nguyện phòng chống ma túy; đội thanh niên giữ gìn trật tự giao thông, tham gia quản lý đô thị; tổ tự quản về an ninh, trật tự; tổ hòa giải ở cơ sở; các câu lạc bộ thanh niên, phụ nữ...* Một số mô hình đã hoạt động khá hiệu quả ở các cơ sở như ở quận 5 có 15 "*nhóm thanh niên xung kích chữ thập đỏ*"; 15 "*nhóm kiểm tra bảo vệ môi trường*"

(KBM). Quận 10 xây dựng được 14 “*câu lạc bộ pháp luật*” trong thanh niên; 8 “*đội văn nghệ xung kích*”; 2 “*câu lạc bộ thanh niên hoàn lương*”; 2 “*câu lạc bộ gia đình tự quản*” của Hội Phụ nữ. Quận 8 và quận 12 xây dựng mô hình “*Cây gây trừ gian*”, “*Cổng chắn bắt cướp*”. Quận 1 và quận 11 có mô hình “*Đội nhân dân xung kích phòng chống ma túy*”, phong trào “*Đổi hung khí lấy quà tết*”.

KẾT LUẬN

Từ thực tiễn công tác phát động quần chúng tham gia phòng chống tội phạm ở thành phố Hồ Chí Minh, thấy rằng đây là một mặt công tác hết sức quan trọng nhằm tăng cường an ninh trật tự, tạo môi trường thuận lợi cho công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở thành phố thu thắng lợi.

Phát huy sức mạnh tổng hợp trong tổ chức phong trào còn là vấn đề lớn, cần được nghiên cứu tổng kết một cách toàn diện của nhiều cấp, nhiều ngành. Trong phạm vi một báo cáo có tính chất tìm hiểu này, chúng tôi xin khái quát mấy kết luận như sau:

1. Trước hết, là việc cần thiết phải cụ thể hóa các nghị quyết cấp trên khi triển khai ở cấp cơ sở:

Nghị quyết của Đảng, Nhà nước về an ninh trật tự luôn luôn là căn cứ quan trọng để triển khai công tác phòng chống tội phạm ở từng địa phương. Song vấn đề hết sức quan trọng đối với từng nơi, từng thời điểm là việc cụ thể hoá các nghị quyết ấy.

Các cấp lãnh đạo, quản lý của thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào điều kiện, đặc điểm của thành phố nhằm xây dựng những kế hoạch sát hợp, nhằm không ngừng tăng cường công tác an ninh trật tự.

Thực tiễn cho thấy, thành phố Hồ Chí Minh có đặc điểm riêng so với các địa phương khác. Giữa các quận, huyện của thành phố cũng mang những đặc thù riêng. Mỗi vùng của thành phố Hồ Chí Minh có những thuận lợi, khó khăn khác nhau. Chính vì vậy, các cấp Đảng, chính quyền đã chủ động tìm những biện pháp sát hợp để phát động quần chúng một cách có hiệu quả trong công tác phòng chống tội phạm.

2. Để phối hợp tốt các lực lượng trong phát động quần chúng tham gia phòng chống tội phạm, cần xây dựng cơ chế thực hiện một cách hợp lý.

Cơ chế luôn luôn là vấn đề quan trọng trong các mặt quản lý xã hội. Đặc biệt công tác an ninh trật tự, một công tác liên quan đến trách nhiệm của tất cả mọi tổ chức thuộc hệ thống chính trị, đến quyền lợi của mỗi công dân, thì cơ chế quản lý trật tự, an toàn xã hội là vấn đề rất cần được quan tâm xây dựng, làm sao phát huy tốt nhất vai trò, sức mạnh tổng hợp trong phát động phong trào quần chúng nhân dân.

Ở thành phố Hồ Chí Minh, cơ chế “*Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, mặt trận và các đoàn thể làm nòng cốt vận động, công an làm tham mưu*”, là cần thiết, có thể và thực tế đã phát huy tốt tác dụng.

Điểm nổi bật của thành phố Hồ Chí Minh là trong cơ chế có tính chất chung đó, công an thành phố một mặt chủ động thực hiện các liên tịch với từng tổ chức (Thanh niên, Cựu chiến binh, Hội phụ nữ, ...); mặt khác, chỉ đạo công an các cấp cơ sở thực hiện những liên tịch ấy.

3. Để tăng cường công tác vận động nhân dân tham gia phòng chống tội phạm, phải chú trọng xây dựng lực lượng cán bộ tại chỗ:

Tại cơ sở, đội ngũ cán bộ cũng như những nhân tố tích cực trong phong trào quần chúng cần được xây dựng một cách thường xuyên, vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt, vừa đáp ứng yêu cầu lâu dài.

Thực tế ở thành phố Hồ Chí Minh trong những năm qua cho thấy công tác phòng chống tội phạm nhất thiết phải có lực lượng chính trị hùng hậu, nòng cốt là đội ngũ cán bộ các ban, ngành ở khu phố, ấp, phường, xã, thị trấn. Để xây dựng lực lượng đó phải huy động sức mạnh của các các tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp.

4. Để duy trì phong trào, phải thường xuyên làm tốt công tác kiểm tra:

Thực tế phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc nhiều năm qua cho thấy khâu kiểm tra luôn luôn là một hoạt động quan trọng. Qua đó, uốn nắn những lệch lạc, yếu kém, làm cho phong trào đi đúng hướng, đúng trọng tâm, đưa lại hiệu quả trong công tác phòng chống tội phạm.

Kinh nghiệm quý báu của thành phố Hồ Chí Minh là qua kiểm tra, phát huy những điển hình tiên tiến, xây dựng các mô hình tỏ rõ hiệu quả về phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm. Những mô hình rất phù hợp với điều kiện thành phố Hồ Chí Minh.

5. Phải gắn cuộc vận động quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc với các cuộc vận động lớn của Đảng, của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức khác thuộc hệ thống chính trị.

Công tác an ninh trật tự là một bộ phận không tách rời của công cuộc xây dựng kinh tế-xã hội, phải kết hợp trong tổng thể đồng bộ, nhằm tạo ra những tác dụng cùng chiều trong công cuộc đổi mới đất nước.

Ở thành phố Hồ Chí Minh, công tác phòng chống tội phạm đã gắn chặt với phong trào xây dựng đời sống mới trong cộng đồng dân cư. Nhờ đó các tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia, tạo nên sức mạnh tổng hợp cả về vật chất lẫn tinh thần nhằm phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động của kẻ phạm tội và những phần tử xấu khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kế hoạch 188/CATP về “xây dựng đời sống mới ở cộng đồng dân cư”, “vận động đối tượng phạm tội ra đầu thú, tự thú”.
2. Kế hoạch 144/CATP về “vận động toàn dân tham gia giáo dục, cảm hóa những người lầm lỗi ở cộng đồng dân cư”.
3. Kế hoạch 24/CATP về “phong trào phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong việc phòng chống tội phạm trên địa bàn phường, xã, thị trấn”.
4. Quy định số 16/CATP của công an thành phố về việc phải công khai cho dân biết trong công tác quản lý, giáo dục đối tượng tại phường, xã, thị trấn
5. Trang ewb thành phố, địa chỉ: www.hochiminhcity.gov.vn
6. Bài phát biểu của đ/c Nguyễn Chí Dũng, Giám đốc CATP tại hội nghị Tổng kết 10 năm thực hiện nghị quyết liên tịch Mặt trận – Công an (1991-2001).

Bài 2
PHONG TRÀO QUẢN CHỨNG BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC TRONG
ĐẤU TRANH CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI Ở TP. PHAN THIẾT,
TỈNH BÌNH THUẬN

Trong quá trình xây dựng và phát triển chế độ xã hội nói chung và đấu tranh chống tội phạm để bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội nói riêng, ở bất kỳ Nhà nước nào, giai đoạn nào cũng luôn luôn phải tác động đấu tranh với một loại hiện tượng xã hội phức tạp cản trở sự phát triển đi lên của chế độ xã hội và nhân loại. Đó là những tệ nạn xã hội

Tệ nạn xã hội có bản chất xấu xa, đồi trụy, phản ánh lối sống ích kỷ, lừa biếng và những ham muốn tầm thường của một số con người cụ thể. Dưới chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa dù chúng tồn tại ở đâu, dưới hình thức nào, tính chất và mức độ ra sao? Điều là những thứ cản trở của xã hội cần phải tẩy rửa và kiên quyết đấu tranh bài trừ.

Trong điều kiện hiện nay, dưới tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường bọn tội phạm hình sự đã lợi dụng triệt để sự tồn tại và phát triển của các tệ nạn xã hội để thu lợi bất chính. Cụ thể như chính những kẻ vụ lợi đã tổ chức các hoạt động mê tín, dị đoan, mả dâm, cờ bạc, ma túy. . . để thực hiện hành vi phạm tội của chúng. Ngược lại khi tệ nạn xã hội phát triển đã lôi kéo những con người, kể cả người lương thiện trở thành nạn nhân của tệ nạn xã hội và làm sa đọa biến chất họ, lôi kéo họ vào con đường tội phạm. Chính vì vậy có thể nói rằng : tệ nạn xã hội là một trong những nguyên nhân trực tiếp của tội phạm hình sự.

Với bản chất xấu xa của nó, tệ nạn xã hội hoàn toàn xa lạ với bản chất của nền trật tự xã hội xã hội chủ nghĩa, không phù hợp với luật pháp và đạo đức, bị đấu tranh kiên quyết.

Đấu tranh chống tệ nạn xã hội có nhiều biện pháp khác nhau. Một trong những biện pháp quan trọng là thực hiện phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc. Vì vậy trong phạm vi tài liệu tham khảo này, chúng tôi xin trình bày vấn đề phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc trong đấu tranh chống tệ nạn xã hội ở thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận từ năm 1998 – 2002.

1. Một số vấn đề lý luận chung

1.1. Quan điểm triết học Mác – Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử

Kết cấu quy luật xã hội là hoạt động thông qua con người, con người ở đây không phải là một cá nhân nào mà chính là quần chúng nhân dân. Triết học Mác – Lênin lần đầu tiên đã phát hiện ra vai trò quyết định của trong sự phát triển của lịch sử.

Trong bất cứ giai đoạn nào của lịch sử, khái niệm quần chúng nhân dân cũng được xác định bởi : Những người lao động sản xuất ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội là lực lượng cơ bản của quần chúng nhân dân; những bộ phận dân cư chống lại những lực lượng xã hội phản động ngăn cản sự tiến bộ xã hội; những giai cấp, tầng lớp xã hội tham gia thúc đẩy sự tiến bộ xã hội.

Triết học Mác – Lênin khẳng định quần chúng nhân dân là người sáng tạo chân chính ra lịch sử. Vai trò của quần chúng nhân dân thể hiện ở những mặt sau đây :

- Quần chúng nhân dân là lực lượng sản xuất cơ bản của xã hội : Sản xuất vật chất là điều kiện căn bản quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội, con người sáng tạo ra lịch sử của mình trước hết là sáng tạo ra của cải vật chất, nếu không có hoạt động sản xuất vật chất của hàng triệu triệu quần chúng thì con người và xã hội loài người sẽ bị diệt vong. Sự phát triển của xã hội xét đến cùng là do lực lượng sản xuất quyết định, nhưng sự phát triển của lực lượng sản xuất là do hoạt động của quần chúng nhân dân. Mặt khác, lực lượng sản xuất không chỉ có tư liệu sản xuất mà trước hết và giữ vai trò quyết định là con người lao động, đó là lực lượng sản xuất hàng đầu, lực lượng sáng tạo quan trọng nhất.

- Quần chúng nhân dân là động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội : Đấu tranh giai cấp là một trong những động phát triển của xã hội có giai cấp. Đến một giai đoạn nhất định, sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp sẽ dẫn đến cách mạng xã hội. Thời kỳ cách mạng là thời kỳ tính chủ động sáng tạo của quần chúng nhân dân được phát huy cao độ. Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Lịch sử xã hội loài người đã chứng minh chân lý đó.

- Quần chúng nhân dân là người sáng tạo những giá trị tinh thần cho xã hội : Trong quá trình lao động sản xuất, quần chúng nhân dân đã trực tiếp tham gia sáng tạo ra những giá trị văn hóa tinh thần . Sáng tác của quần chúng rất phong phú đa dạng như những truyện thần thoại, cổ tích; những câu ca dao, tục ngữ; những lời ca, điệu múa. . . do quần chúng sáng tác phản ánh những hiểu biết về thiên nhiên và xã hội, ca ngợi tình cảm tốt đẹp của con người. Toàn bộ hoạt động của quần chúng và đời sống phong phú đa dạng của họ là nguồn đề tài vô tận, nguồn cảm hứng cho việc sáng tác của những người nghệ sỹ. Khoa học tự nhiên và khoa học xã hội đều

là sự khái quát từ thực tiễn lao động sản xuất và đấu tranh giai cấp của quần chúng nhân dân.

Trên cơ sở lý luận của triết học Mác – Lênin về vai trò của quần chúng nhân dân và tổng kết thực tiễn cách mạng nước ta. ĐH6 chỉ rõ : “Trong toàn bộ hoạt động của mình Đảng phải quán triệt tư tưởng lấy dân làm gốc, xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động”⁽¹⁾

ĐHVII nhấn mạnh: ‘Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu mệnh lệnh, xa rời nhân dân sẽ đưa đến những tổn thất không lường được đối với vận mệnh của đất nước’⁽²⁾

1.2. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc là sự tham gia tự giác của đông đảo quần chúng bằng những hình thức sinh động cụ thể trên lĩnh vực bảo vệ an ninh trật tự xã hội, nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc là một biện pháp quan trọng trong những biện pháp mà ngành công an sử dụng để bảo vệ an ninh trật tự của đất nước.

Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc còn là hình thức để Đảng CSVN giáo dục động viên mọi tầng lớp nhân dân tinh thần yêu nước, yêu CNXH, làm cho xã hội ngày càng nhất trí về chính trị và tạo thành phong trào hành động cách mạng rộng khắp trên mọi miền đất nước. Đảng ta khẳng định “Phát động sâu rộng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc, xây dựng các tuyến, các địa bàn an toàn về an ninh trật tự , chủ động phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả chống các thế lực thù địch và bọn tội phạm”⁽¹⁾ .

Nhiệm vụ cơ bản của phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc là :

Thứ nhất, bảo vệ an ninh quốc gia:

- Bảo vệ an toàn nội bộ các cơ quan Đảng và Nhà nước, các đoàn thể quần chúng, bảo vệ bí mật quốc gia .

- Bảo vệ việc thực hiện đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quyền làm chủ về chính trị của nhân dân, bảo vệ sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân.

- Bảo vệ độc lập chủ quyền , thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc.

- Tích cực phòng ngừa và đập tan mọi âm mưu, hoạt động của mọi thế lực phản cách mạng.

Thứ hai, bảo vệ kinh tế, tài sản XHCN:

- Bảo vệ đường lối, chủ trương, chính sách kinh tế của Đảng.

- Bảo vệ tài sản XHCN, cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH.

- Bảo vệ cơ quan, cán bộ khoa học kỹ thuật, quyền làm chủ về kinh tế của nhân dân.

⁽¹⁾ ĐCSVN, VKĐHĐBTQ lần thứ VI, NXBST HN 1987, trang 29

⁽²⁾ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, NXBST HN1991, trang 5

⁽¹⁾ ĐCSVN, VKĐHĐBTQ lần thứ VII , NXBST HN 1987, trang 87.

- Tích cực phòng ngừa và đấu tranh chống bọn tham nhũng, buôn lậu và tội phạm kinh tế.

Thứ ba, bảo vệ trật tự an toàn xã hội:

- Chủ động phòng ngừa và tích cực đấu tranh chống bọn tội phạm xâm phạm trật tự an toàn xã hội.

- Tích cực đấu tranh bài trừ các tệ nạn xã hội.

- Phòng ngừa và làm giảm các tai nạn xã hội.

- Đấu tranh chống những tiêu cực trong đời sống xã hội, giữ gìn trật tự, vệ sinh nơi công cộng, xây dựng nếp sống văn minh.

Ba nhiệm vụ trên có quan hệ chặt chẽ với nhau. Khi thực hiện phải căn cứ vào tình hình cụ thể của địa phương trong từng thời gian cụ thể để vận dụng cho sát hợp.

1.3. Tệ nạn xã hội

Tệ nạn xã hội có nhiều cách hiểu khác nhau nhưng được khái niệm chung là: những hiện tượng xã hội tiêu cực, mang tính phổ biến lan truyền, phản ánh những thói quen, phong tục tập quán xấu, trái với chuẩn mực đạo đức xã hội và quy định của pháp luật hiện hành, gây khó khăn cản trở cho công cuộc xây dựng lối sống mới và nền an ninh, trật tự của đất nước.

Từ khái niệm tệ nạn xã hội như trên có thể rút ra một số vấn đề mang tính đặc trưng của tệ nạn xã hội như sau:

- Tệ nạn xã hội là những hiện tượng xã hội tiêu cực. Đó là những hành vi hoạt động của con người trong xã hội như đánh bạc, mại dâm, cao bồi càn quấy... Những hiện tượng này là những hiện tượng xấu xa mang tính tiêu cực, cản trở loài người vươn tới văn minh và hạnh phúc.

- Tệ nạn xã hội tuy là hiện tượng tiêu cực nhưng lại có sức cuốn hút mọi người, vì vậy nó có tính lây lan nhanh chóng trong xã hội. Thông thường, thuật ngữ “tệ nạn” đã nói lên tính lan truyền phổ biến rộng rãi những cái xấu, cái tiêu cực của xã hội.

- Tệ nạn xã hội có mối quan hệ chặt chẽ với tội phạm hình sự và những hiện tượng tiêu cực khác của xã hội.

- Tệ nạn xã hội tồn tại và phát triển dưới nhiều hình thức đa dạng, có sự tham gia của nhiều loại đối tượng khác nhau. Tệ nạn xã hội là hiện tượng xã hội mang tính lịch sử, cho nên mỗi chế độ xã hội, mỗi giai đoạn phát triển của xã hội thường có những loại tệ nạn xã hội nổi lên phức tạp cần phải tập trung đấu tranh. Trong giai đoạn hiện nay ở nước ta đang nổi lên những loại tệ nạn xã hội phức tạp như sau: Tệ nạn mại dâm; tệ nạn ma túy; tệ nạn cờ bạc; tệ nạn mê tín, dị đoan; tệ cao bồi, càn quấy.

2. Thực trạng của phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc trong đấu tranh chống tệ nạn xã hội ở thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận từ năm 1998 – 2002.

2.1. Đặc điểm tình hình của thành phố Phan Thiết có liên quan đến tệ nạn xã hội

Thành phố Phan Thiết là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh Bình Thuận, có diện tích tự nhiên là 192,3Km², án ngữ ở cửa ngõ phía Đông Bắc của TP Hồ Chí Minh và là địa đầu của quân khu VII. TP Phan Thiết nằm dọc theo bờ biển Đông chiều dài 57,4 Km. Quốc lộ 1A chạy xuyên qua thành phố và có đường

sắt nối liền với ga Mương Mán – một ga trung chuyển của tuyến đường sắt Bắc – Nam. Toàn thành phố có 14 phường, 4 xã. Dân số là 38.616 hộ - 201.470 khẩu, trong đó có 2.821 hộ – 16.168 khẩu tạm trú. Nguồn gốc dân cư ở đây từ nhiều địa phương khác tụ họp lại, sinh sống chủ yếu bằng nghề kinh doanh, dịch vụ và lao động biển. Có 12 nhà thờ, 5 cơ sở dòng tu, 47 chùa chiền, thánh thất, 63 chức sắc nhà tu hành.

Do vị trí địa lý thuận lợi, môi trường trong lành, có nhiều tiềm năng phát triển sinh thái nên đã thu hút nhiều nhà đầu tư cũng như khách tham quan du lịch trong và ngoài nước đến Phan Thiết nghỉ ngơi, an dưỡng ngày càng đông. Hiện nay tại TP Phan Thiết có 5 khu du lịch biển (Tiến thành, Đồi dương, Phú hải, Hàm tiến, Mũi né); 135 khách sạn, nhà trọ, nhà nghỉ; 9 cơ sở Massage; 45 quán Karaoke và 2 vũ trường.

Từ những đặc điểm trên, tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Phan Thiết vốn đã phức tạp lại ngày càng phức tạp hơn. Lượng người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài đến lưu trú ở địa phương ngày càng nhiều. Phạm pháp hình sự và tai tệ nạn gia tăng đáng lo ngại.

Quán triệt các quan điểm đổi mới và các chủ trương nhiệm vụ công tác bảo vệ an ninh trật tự xã hội của Đảng, trong những năm qua, cấp ủy Đảng, chính quyền từ thành phố đến các phường xã đã ra sức khắc phục khó khăn, nghiên cứu tìm cách xây dựng và nhân rộng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc ở địa phương trong công tác bảo vệ an ninh trật tự xã hội nói chung và đấu tranh chống tệ nạn xã hội nói riêng có bước phát triển khá.

2.2. Công tác tổ chức triển khai và thực hiện

Xây dựng và phát triển phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc bảo đảm an ninh trật tự xã hội là thiết thực phục vụ quá trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương.

Nhận thức được ý nghĩa tác dụng của mối quan hệ trên, trong những năm qua Thường vụ Thành ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị để chỉ đạo công tác xây dựng và phát động phong trào.

Năm 1998 có chỉ thị 03/CT,UB,PT về tổ chức mở đợt cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm và bài trừ tệ nạn xã hội. Hưởng ứng phong trào thi đua do Thường vụ Thành ủy thành phố Phan Thiết phát động trong lĩnh vực an ninh trật tự xã hội, lực lượng công an đã chủ động phối hợp với các ngành (chủ yếu là văn hóa thông tin), các đoàn thể và mật trận tổ quốc của thành phố thực hiện cuộc vận động ‘Xây dựng cuộc sống mới, nếp sống văn hóa’ mà nội dung cụ thể là xây dựng phường, xã lành mạnh không còn tệ nạn xã hội, cơ quan, đơn vị có nếp sống văn minh, xây dựng khu phố văn hóa (phường), thôn văn hóa (xã), gia đình văn hóa và tổ nhân dân tự quản an toàn.

Để cuộc vận động trên đi vào cuộc sống và trở thành sức mạnh của phong trào quần chúng, lực lượng công an và ban chỉ đạo đã nhất trí đề ra các tiêu chuẩn cho khu phố văn hóa, thôn văn hóa, gia đình văn hóa, cơ quan, đơn vị có nếp sống văn minh, đã được Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết thông qua và công nhận.

Quá trình tổ chức thực hiện cuộc vận động này đã giúp mọi người nâng cao ý thức chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Mọi gia đình không để con em, người thân của mình, mọi cơ quan, đơn vị

không để các thành viên của mình vi phạm pháp luật, bị ảnh hưởng của các tệ nạn xã hội.

Mặt khác, lực lượng công an thành phố đã tích cực tham mưu cho cấp ủy, chính quyền, phối hợp với Mặt trận tổ quốc thành phố, các ngành, các đoàn thể và các phường, xã thường xuyên kiểm tra, cũng cố bồi dưỡng nâng cao chất lượng hoạt động cho đội ngũ cán bộ cốt cán để họ đủ khả năng làm nòng cốt trong phong trào quần chúng tham gia công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và bài trừ tệ nạn trên địa bàn dân cư.

Năm 1999, Thường vụ Thành ủy có chỉ thị 25/CT, Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch 31/UB về công tác phòng chống tội phạm và bài trừ tệ nạn xã hội. Thực hiện chủ trương chỉ đạo trên, để phát huy sức mạnh của các bên liên tịch trong công tác giữ gìn trật tự an toàn xã hội, ngày 7/5/1999 lãnh đạo công an thành phố và ban Thường vụ Thành đoàn thành phố đã tổ chức hội nghị triển khai nghị quyết liên tịch giữa Trung ương ĐTNCS HCM và Bộ công an về ngăn chặn tội phạm và tệ nạn xã hội trong thanh thiếu niên. Ngày 16/12/1999 lãnh đạo công an thành phố Phan Thiết và thường trực Hội cựu chiến binh tổ chức hội nghị triển khai chương trình phối hợp hành động thực hiện nghị quyết liên tịch 01 giữa Hội cựu chiến binh Việt Nam và Bộ công an về việc vận động toàn dân tham gia xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc đến hết năm 2000 và cho những năm tiếp theo. Trên cơ sở chỉ đạo của Thành ủy và UBND thành phố, các lực lượng công an, Hội cựu chiến binh, Đoàn TNCS, các phường, xã đã tổ chức hội nghị quán triệt các chủ trương của cấp trên và đề ra chương trình hành động cụ thể ở cấp mình. Đồng thời tổ chức học tập và phát động sâu rộng trong quần chúng nhân dân về công tác phòng chống tội phạm và bài trừ tệ nạn xã hội.

Đầu năm 2002 Thường vụ Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố đã có NQ39 về kế hoạch xây dựng và phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc mà trọng tâm là tập trung thực hiện NQ08/BCT (khóa VIII) về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới, NQ09/CP về chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, ma túy và các tệ nạn xã hội khác, thực hiện tốt mục tiêu ba giảm.

Từ đó cho đến nay, trong quá trình tổ chức thực hiện, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên luôn chủ động phối hợp với lực lượng công an từ thành phố đến các phường, xã thực hiện tốt các nội dung trong nghị quyết và chương trình hành động liên tịch. Qua đó đã huy động được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia quản lý giáo dục những người lầm lỗi, vi phạm pháp luật tại cộng đồng dân cư và chấp hành tốt các chủ trương lớn về an ninh trật tự xã hội của chính phủ, đồng thời tham gia có hiệu quả vào công tác đấu tranh bài trừ tệ nạn xã hội.

Tóm lại, các chủ trương của thành phố Phan Thiết về phòng chống tội phạm và bài trừ tệ nạn xã hội đã được các ngành, các cấp, nhất là các bên liên tịch với lực lượng công an triển khai tổ chức thực hiện, đã đạt được những kết quả đáng kể làm chuyển biến một bước về tình hình trật tự xã hội nói chung và tệ nạn xã hội nói riêng.

2.3. Công tác tuyên truyền giáo dục và vận động quần chúng

Thực hiện chủ trương chỉ đạo của Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết, cùng với công tác tuyên truyền của các cơ quan thông tin đại chúng như đài phát thanh, truyền hình, Báo và bản tin Phan Thiết, từ năm 1998 – 2000 các cơ quan, đơn vị, phường, xã ở thành phố Phan Thiết đã tổ chức các đợt học tập nội

dung các tài liệu về tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân tham gia phong trào phòng chống tội phạm và đấu tranh bài trừ các tệ nạn xã hội, cụ thể như sau:

Năm	Cán bộ cốt cán		Cơ quan, đơn vị		Nhân dân	
	Số lần Học tập	Lượt người Tham gia	Số lần Học tập	Lượt người tham gia	Số lần Học tập	Lượt người tham gia
1998	20	228	71	3900	148	55.769
1999	22	245	73	4085	164	56.647
2000	28	299	142	8246	367	78.995
2001	24	256	92	4124	296	57.242
2002	26	273	95	4800	236	59146

(Tổng kết Phong trào QCBVANTQ TPPhan Thiết, Tỉnh Bình Thuận từ năm 1998 – 2002)

Bản thống kê số liệu trên, chúng ta thấy trong đội ngũ cán bộ cốt cán của phong trào, các cơ quan, đơn vị và trong quần chúng nhân dân, hàng năm số lần tổ chức học tập tuyên truyền cũng như số lượt người tham gia đều tăng. Riêng năm 2000 có sự tăng vọt hơn, bởi vì năm 2000 cùng với cả nước ở thành phố Phan Thiết có nhiều sự kiện chính trị quan trọng, đó là thời điểm diễn ra cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa IX và bầu bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân một số phường, xã, cho nên đã được sự quan tâm nhiều hơn. Chính vì vậy phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc ở thành phố Phan Thiết hàng năm được củng cố và có bước vươn lên. Các hoạt động tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân nêu cao ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ an ninh trật tự xã hội ở cơ sở được lan tỏa và đi vào chiều sâu. Những biện pháp để giáo dục cảm hóa những người lầm lỗi tại cộng đồng dân cư, những biện pháp để tấn công trấn áp tội phạm và bài trừ tệ nạn xã hội đã được sự đồng tình ủng hộ và tích cực tham gia của các tầng lớp nhân dân, đã thu được những kết quả thiết thực, góp phần giữ vững an ninh trật tự xã hội ở địa phương.

2.2.4. Kết quả quần chúng tham gia công tác đấu tranh chống tệ nạn XH:

Năm	Các loại TNXH	Tổng số vụ xảy ra	Quần chúng cung cấp	
			Tổng số vụ	Tin chính xác
1998	-Mãi dâm	8	5	4
	-Ma túy	2	2	1
	-Cờ bạc	26	20	15
	-Mê tín	2	1	1
	-Càn quấy	150	150	150
	Cộng	188	178 = 95%	171 = 90%
1999	Mãi dâm	8	6	4
	-Ma túy	8	6	4
	-Cờ bạc	34	28	22
	-Mê tín	2	1	1
	-Càn quấy	220	220	220
	Cộng	272	261 = 92%	251 = 90%
2000	Mãi dâm	22	16	14
	-Ma túy	13	10	8
	-Cờ bạc	59	48	40

	-Mê tín	1	1	1
	-Càn quấy	172	172	172
	Cộng	267	247 = 92%	235 = 88%
2001	Mãi dâm	9	7	5
	-Ma túy	24	17	15
	-Cờ bạc	11	8	6
	-Mê tín	1	1	1
	-Càn quấy	154	154	154
	Cộng	199	187 = 94%	177 = 87%
2002	Mãi dâm	15	11	8
	-Ma túy	12	10	8
	-Cờ bạc	14	10	7
	-Mê tín	1	1	1
	-Càn quấy	147	147	147
	Cộng	189	179 = 93%	171 = 91%

(Thống kê số liệu công tác của CATP Phan Thiết từ năm 1998 – 2000)

Bảng thống kê số liệu trên cho chúng ta thấy trên 90% số vụ việc tệ nạn xã hội xảy ra ở thành phố Phan Thiết đã được quần chúng nhân dân phát hiện và cung cấp cho cơ quan công an, trong đó có khoảng 90% nguồn tin là chính xác.

Như vậy thực tiễn ở thành phố Phan Thiết đã chứng minh rằng trong công tác đấu tranh chống tệ nạn xã hội thì biện pháp xây dựng và phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc có vai trò rất quan trọng, góp phần giữ gìn trật tự an toàn xã hội, phục vụ các yêu cầu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương, việc xây dựng khu phố(thôn) văn hóa, tổ nhân dân tự quản an toàn hàng năm càng phát triển tốt hơn.

Năm	Khu phố (thôn) văn hóa	Tổ ND tự quản an toàn
1998	47/88	512/1014
1999	50/90	642/1112
2000	53/92	653/1142
2001	55/95	665/1182
2002	59/105	740/1329

(Tổng kết phong trào QCBVANTQ, TPPT, BT từ năm 1998 – 2002)

Nhận xét đánh giá chung

Được sự quan tâm lãnh đạo chặt chẽ của các cấp ủy Đảng, sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, nhất là các bên liên tịch đã giúp UBNDTP triển khai và tổ chức thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới, nếp sống mới, xây dựng cơ quan, đơn vị có nếp sống văn minh, xây dựng gia đình văn hóa, khu phố (thôn) văn hóa có bước phát triển khá. Đồng thời thông qua phong trào này đã lồng ghép triển khai công tác vận động quần chúng tham gia phòng chống tội phạm và bài trừ tệ nạn xã hội, tham gia quản lý giáo dục, cảm hóa những người lầm lỗi tại cộng đồng dân cư, đã góp phần làm chuyển biến rõ nét tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương.

Song, trong thời gian qua bên cạnh những kết quả đạt được, còn một số mặt tồn tại khuyết điểm cần phải khắc phục là :

- Trong bối cảnh, điều kiện mới và mặt trái của cơ chế thị trường tác động làm phát sinh những yếu tố bất lợi cho việc ổn định trật tự an toàn xã hội, làm cho tệ nạn

xã hội có xu hướng gia tăng và diễn biến phức tạp hơn. Tâm lý an phận thủ thường trong nhân dân còn phổ biến, ý thức trách nhiệm công dân chưa được đề cao. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc phát triển chưa đều, chưa mạnh, chưa vững chắc. Công tác tuyên truyền vận động quần chúng tham gia học tập các chủ trương của Đảng và Nhà nước về bài trừ tệ nạn xã hội chưa sâu rộng.

- Quá trình tổ chức chỉ đạo thực hiện chưa thường xuyên kết hợp giữa phòng ngừa với công tác đấu tranh bài trừ mạnh mẽ các loại tệ nạn xã hội, do vậy có nhiều lúc hiệu quả đạt được chưa cao. Hoạt động của các bên liên tịch nhiều khi còn mang tính hình thức, nhiều chỉ tiêu đã đề ra nhưng chưa thực hiện được.

Nguyên nhân của những tồn tại chủ yếu là :

- Cấp ủy, chính quyền một số phường, xã; Thủ trưởng một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự quan tâm chỉ đạo phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc trong đấu tranh bài trừ tệ nạn xã hội, được thể hiện là thường giao khoán công việc này cho lực lượng công an.

- Lực lượng công an ở một số phường, xã và đơn vị nghiệp vụ chưa phát huy tốt chức năng tham mưu giúp cấp ủy, chính quyền chỉ đạo kịp thời đúng với nhiệm vụ xây dựng và phát động phong trào. Công tác kiểm tra hướng dẫn của cơ quan thường trực chưa thường xuyên. Lực lượng công an cơ sở, nhất là công an xã đã thiếu, lại yếu chưa đủ sức gánh vác nhiệm vụ.

- Sự phối hợp giữa lực lượng công an với các ban ngành, đoàn thể, mật trận và các bên liên tịch chưa chặt chẽ trong công tác xây dựng và phát động phong trào, cũng như trong công tác đấu tranh bài trừ tệ nạn xã hội .

3. Một số bài học kinh nghiệm và ý kiến đề xuất

3.1. Một số bài học kinh nghiệm

- Nơi nào cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm đầu tư chỉ đạo phong trào quần chúng tích cực tham gia đấu tranh bài trừ tệ nạn xã hội; lực lượng công an làm tốt chức năng tham mưu hướng dẫn; Mật trận tổ quốc, các đoàn thể và nhất là các bên liên tịch phối hợp chặt chẽ với nhau trong đấu tranh bài trừ tệ nạn xã hội thì nơi đó có bước chuyển biến tích cực góp phần giữ vững tình hình trật tự an toàn xã hội .

- Quan tâm xây dựng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cốt cán ở cơ sở với thường xuyên phát động quần chúng là hai mặt của phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc trong đấu tranh bài trừ tệ nạn xã hội. Hai mặt này cần phải được tiến hành song song, liên tục, phù hợp với đặc điểm tình hình và đáp ứng được quyền lợi chính đáng của nhân dân thì sẽ được đại bộ phận quần chúng nhân dân tham gia tích cực.

- Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên lĩnh vực đấu tranh bài trừ tệ nạn xã hội kết hợp với xây dựng cũng cố lực lượng cách mạng tại chỗ gắn với thường xuyên tổ chức sơ, tổng kết nhằm chọn ra mô hình tốt, kinh nghiệm hay, cách làm giỏi để nhân rộng. Chú trọng đúng mức đến công tác thi đua khen thưởng để động viên cổ vũ phong trào chung, đồng thời nghiêm túc phê bình những cá nhân và tập thể thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác đấu tranh bài trừ tệ nạn xã hội.

3.2. Một số ý kiến đề xuất

Để tiếp tục công tác xây dựng và phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc trong đấu tranh bài trừ tệ nạn xã hội đạt kết quả tốt hơn, góp phần giữ vững trật tự an toàn xã hội ở địa phương, chúng tôi mạnh dạn đề xuất một số ý kiến sau đây :

- Thủ trưởng các ngành, chủ tịch UBND các phường, xã phải thường xuyên tổ chức tuyên truyền gi áo dục cán bộ , công nhân viên chức và nhân dân hiểu rõ đường lối, chính sách của Đảng , pháp luật của Nhà nước. Đồng thời tiếp tục quán triệt NQ08/BCT của Bộ chính trị về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới, Nghị quyết 09/CP của chính phủ và chương trình Quốc gia phòng chống tội phạm, phòng ngừa ma túy và bài trừ tệ nạn xã hội, ra sức tham gia làm tốt công tác giữ gìn trật tự an toàn xã hội .

- Lực lượng công an các cấp phải chủ động phối hợp với các ngành, các đoàn thể phụ nữ, Nông dân, Đoàn TNCS, Liên đoàn lao động khẩn trương triển khai thực hiện các Nghị quyết liên tịch gắn với tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động : toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới, nếp sống mới ở khu dân cư, xây dựng cơ quan, đơn vị có nếp sống văn minh, tạo ra bước chuyển biến tích cực cho phong trào.

- Lực lượng công an và quân sự từ thành phố đến các phường, xã phải tăng cường công tác nắm tình hình, quản lý chặt chẽ các loại đối tượng trọng điểm, mở các đợt cao điểm để tấn công trấn áp các loại tội phạm và đấu tranh bài trừ tệ nạn xã hội để hỗ trợ mạnh mẽ cho phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân.

- Lực lượng công an thành phố phối hợp với cấp ủy, chính quyền phường, xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thường xuyên có kế hoạch tập huấn bồi dưỡng củng cố lực lượng công an cơ sở, bảo vệ chuyên trách, bán chuyên trách, đội ngũ cốt cán trong các tổ chức quần chúng tự quản nhằm tạo ra sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức và trong hành động cho lực lượng này tham gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội ở cơ sở.

- Thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết thực tiễn nhằm đúc rút kinh nghiệm và nhân rộng những gương điển hình tiên tiến, gắn liền với việc làm tốt công tác thi đua khen thưởng kịp thời để động viên cổ vũ phong trào chung của địa phương.

KẾT LUẬN

Sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay bên cạnh những thuận lợi cũng đang đặt ra nhiều thách thức mới, do đó để các tầng lớp nhân dân thực sự thể hiện vai trò của mình như những người chủ của đất nước – chủ thể của quá trình xây dựng xã hội mới thì điều quan trọng nhất là mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước phải đáp ứng những nguyện vọng chính đáng của quần chúng nhân dân. Đó cũng là bài học lịch sử quý báu mà Đảng và Bác Hồ đã kế thừa và vận dụng trong điều kiện lịch sử mới.

Nhiệm vụ xây dựng và phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc là nhiệm vụ quan trọng nhằm tạo điều kiện cho quần chúng nhân dân phát huy quyền làm chủ của mình trong lĩnh vực an ninh trật tự xã hội nói chung và đấu tranh bài trừ tệ nạn xã hội nói riêng, góp phần xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư cũng như ở các cơ quan, đơn vị. Nhiệm vụ này chỉ giành thắng lợi khi phát huy được sức mạnh tổng hợp của các lực lượng và của các tầng lớp nhân dân. Điều đó đã được khẳng định cả trong lý luận và thực tiễn.

Trong những năm qua công an thành phố Phan Thiết , tỉnh Bình Thuận đã làm tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền, các ban ngành , đoàn thể của thành phố phát huy tốt vai trò của phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc trong công tác đấu tranh chống tệ nạn xã hội và đã đạt những kết quả đáng kể góp phần giữ gìn trật tự an toàn xã hội .

Nghiên cứu vấn đề ‘Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc trong đấu tranh chống tệ nạn xã hội ở thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận’, trên cơ sở nhận xét đánh giá chung và những bài học kinh nghiệm được rút ra, chúng tôi xin mạnh dạn đề xuất một số ý kiến với thiện chí muốn góp phần cùng địa phương thực hiện công tác này tốt hơn trong thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ giáo dục và đào tạo, *Giáo trình triết học Mác – Lênin*, NXBCTQG HN-2002.
2. Trường ĐHCSTND, *Giáo trình tổ chức hoạt động phòng ngừa, phát hiện và điều tra tội phạm cụ thể, thuộc chức năng của CSHS*, HN-1998.
3. Trường ĐHCSTND, *Thông tin chuyên đề công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội*, HN-1997.
4. Nguyễn Duy Hải, *Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Thuận trong thời kỳ mới*, Công an tỉnh Bình Thuận, năm 2000.
5. Công an thành phố Phan Thiết, *Báo cáo tổng kết PTQCBVANTQ từ năm 1998 đến năm 2002*.
6. Công an thành phố Phan Thiết, *Báo cáo thống kê số liệu tình hình công tác từ năm 1998 đến năm 2002*.

Bài 3

KINH TẾ TƯ BẢN TƯ NHÂN HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI Ở ĐỒNG NAI HIỆN NAY

Sự tồn tại cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta là một tất yếu khách quan. Bởi vì, trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta, do lực lượng sản xuất chưa phát triển cao, nên còn tồn tại nhiều chế độ sở hữu. Tính đa dạng về sở hữu chính là do lực lượng sản xuất chưa phát triển cao đủ mức độ để có thể thủ tiêu hoàn toàn chế độ sở hữu và thành lập hoàn toàn chế độ công hữu.

Chính vì sự tồn tại nhiều thành phần kinh tế là một hiện tượng khách quan nên chúng đều có tác dụng tích cực đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Trong đó có kinh tế tư bản tư nhân, là thành phần kinh tế mà sản xuất kinh doanh dựa trên cơ sở chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất và bóc lột lao động làm thuê. Trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta, thành phần kinh tế này còn có vai trò đáng kể xét về phương diện phát triển lực lượng sản xuất, xã hội hóa sản xuất cũng như về phương diện giải quyết các vấn đề xã hội. Trong lĩnh vực thương mại kinh tế tư bản tư nhân cũng đóng góp một phần quan trọng thúc đẩy sản xuất và lưu thông hàng hóa phát triển. Tổ chức và cung ứng các nhu cầu cần thiết cho đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

Đồng Nai là tỉnh có kinh tế tư bản tư nhân hoạt động trong lĩnh vực thương mại phát triển. Đáp ứng với nhu cầu phát triển kinh tế của tỉnh nằm trong vùng “kinh tế động lực phía Nam”. Với tài liệu thu thập được, tài liệu tham khảo làm rõ những nét chính về thành phần kinh tế tư bản tư nhân hoạt động trong lĩnh vực thương mại ở Đồng Nai hiện nay.

1. TƯ BẢN THƯƠNG NGHIỆP VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở NƯỚC TA.

1.1. Tư bản thương nghiệp

Tư bản thương nghiệp là loại tư bản ra đời sớm nhất trong lịch sử, vì tiền đề cho sự ra đời của nó là lưu thông hàng hóa và lưu thông tiền tệ phát triển tới một mức nhất định. Nhưng bản chất của tư bản thương nghiệp trước chủ nghĩa tư bản khác về căn bản với tư bản thương nghiệp trong chủ nghĩa tư bản.

Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, tư bản thương nghiệp là một bộ phận của tư bản công nghiệp tách rời ra.

Giả định tư bản công nghiệp là một thể thống nhất, nghĩa là người sản xuất tự đảm nhiệm cả việc bán hàng hóa. Giả định ấy hoàn toàn phù hợp với lịch sử ra đời của chủ nghĩa tư bản, vì trong thuở ban đầu của nó, khi quy mô các xí nghiệp còn nhỏ bé, nhà tư bản thường tự đảm nhiệm cả sản xuất và lưu thông. Khi đó, hàng hóa đi thẳng từ tay người sản xuất tới người tiêu dùng, chỉ ra một hành vi H – T là hàng hóa đã được bán xong, tức là hàng hóa đã ra khỏi lĩnh vực lưu thông và đi vào lĩnh vực tiêu dùng.

Nhưng sự phát triển của sản xuất hàng hóa và phân công xã hội đã dẫn tới sự tách ra của một loại nhà tư bản chuyên đảm nhiệm việc mua và bán hàng hóa, tức nhà tư bản thương nghiệp. Từ đây thương nhân thay mặt người mua, ứng tư bản tiền tệ ra để mua hàng hóa của nhà tư bản công nghiệp. Sau hành vi H – T thứ nhất, nhà tư bản công nghiệp coi như đã bán xong hàng và có thể tiếp tục sản xuất. Nhưng

bản thân hàng hóa chưa được bán xong, vì mới chuyển từ tay người sản xuất sang tay thương nhân chứ chưa đến tay người tiêu dùng. Thương nhân mua hàng hóa là để bán lại, bởi vậy, phải có hành vi H – T thứ hai, người tiêu dùng trả tiền cho thương nhân và thương nhân đưa hàng hóa đến tay người tiêu dùng – tiêu dùng sản xuất hoặc tiêu dùng cá nhân – và chỉ sau hành vi H - T thứ hai này, hàng hóa mới được bán xong, mới ra khỏi lưu thông và đi vào lĩnh vực tiêu dùng. Chính vì phải qua hai hành vi H – T mà tư bản của thương nhân phải vận động theo công thức T-H-T', tức là mua để bán. Nếu có nhiều thương nhân làm trung gian thì hàng hóa có thể phải qua nhiều hành vi H – T mới tới tay người tiêu dùng. Nếu thương nhân mua chịu và chỉ sau khi bán xong hàng mới trả tiền cho người sản xuất, thì rõ ràng thương nhân chỉ là người môi giới mang hàng hóa của người sản xuất đến người tiêu dùng và hưởng hoa hồng.

Như vậy, tư bản thương nghiệp chỉ là một bộ phận của tư bản hàng hóa, có nhiệm vụ chuyển hóa hàng hóa thành tiền. Chỉ có điều khác là trước đây chức năng này là hoạt động phụ của người sản xuất, bây giờ tách ra thành một chức năng chuyên môn của một loại nhà tư bản riêng biệt và trở thành lĩnh vực đầu tư riêng biệt. Tư bản thương nghiệp chỉ là một bộ phận của tư bản hàng hóa, chứ không phải là toàn bộ tư bản hàng hóa trong xã hội, bởi vì còn một bộ phận hàng hóa khác thông qua tay thương nhân mà đi thẳng từ xí nghiệp này sang xí nghiệp khác. Thí dụ, nhà máy nhiệt điện ký hợp đồng trực tiếp mua than của mỏ than, than được chở thẳng từ mỏ đến nhà máy điện, không qua thương nhân.

Sự phân tích trên đây cho thấy, tư bản thương nghiệp vừa phụ thuộc vào tư bản công nghiệp, vừa có tính độc lập tương đối. Sự phụ thuộc biểu hiện ở chỗ: tư bản thương nghiệp chỉ là một bộ phận tư bản hàng hóa của tư bản công nghiệp. Với nghĩa đó, sản xuất quyết định lưu thông. Không có sản xuất thì không có hàng hóa để lưu thông. Tính độc lập tương đối của tư bản thương nghiệp thể hiện ở chỗ: chức năng chuyển hóa cuối cùng của hàng hóa thành tiền trở thành chức năng riêng biệt tách khỏi tư bản công nghiệp, nằm trong tay người khác. Và chính người khác đó, tức là thương nhân, ứng tư bản tiền tệ ra nhằm thu lợi nhuận, mà tư bản ứng ra đó chỉ ở trong lĩnh vực lưu thông, không bao giờ mang hình thái tư bản sản xuất.

Tính độc lập tương đối của tư bản thương nghiệp càng tăng lên khi có sự phát triển của hệ thống tín dụng ngân hàng. Thương nhân có thể tiếp tục mua hàng mới trước khi hàng cũ được bán hết, tạo ra nhu cầu giả tạo. Nếu có nhiều thương nhân ở khâu trung gian, nhất là trong lĩnh vực ngoại thương, nhu cầu giả tạo đó càng mở rộng ra quá mức, và nếu để thị trường tự điều tiết, thì đây là một trong những nhân tố làm gay gắt thêm khủng hoảng sản xuất thừa hàng hóa so với nhu cầu có khả năng thanh toán. Khủng hoảng này thường nổ ra trước tiên trong khâu bán buôn và ở những ngân hàng cho các nhà buôn vay tiền.

1.2. Vai trò của tư bản thương nghiệp

1.2.1. Thương nghiệp trong CNTB

Trong chủ nghĩa tư bản, với nhiệm vụ quan trọng là thực hiện sản phẩm nhanh chóng trong điều kiện thị trường không ngừng mở rộng và cạnh tranh ác liệt, thương nghiệp trở thành một mắt khâu không thể thiếu phục vụ cho sản xuất công nghiệp. Ở đây, quá trình sản xuất hoàn toàn gắn chặt với lưu thông; lưu thông chỉ là một giai đoạn quá độ của sản xuất. Chỉ đơn thuần là sự thực hiện những sản phẩm và thay thế các yếu tố của sản xuất đã được sản xuất ra với tư cách là hàng hóa. Nói

cách khác, không có sản xuất thì không có lưu thông, nhưng không có lưu thông cũng không có sản xuất; toàn bộ “đầu ra” và “đầu vào” của sản xuất đều dựa vào lưu thông, dựa vào thị trường.

Việc tách chức năng mua – bán hàng hóa ra thành một chức năng riêng biệt của thương nhân là một tất yếu kinh tế do sự phát triển của sản xuất hàng hóa và phân công xã hội. Sự tách rời đó đem lại lợi ích cho cả tư bản công nghiệp và tư bản thương nghiệp, cũng như toàn xã hội. Bởi vì:

Một là, nhờ có thương nhân chuyên trách việc mua – bán, lượng tư bản ứng vào lưu thông và chi phí lưu thông sẽ nhỏ hơn là khi những người sản xuất trực tiếp đảm nhiệm chức năng này. Một tư bản thương nhân có thể phục vụ sự chu chuyển của một số tư bản trong cùng một lĩnh vực sản xuất hay trong những lĩnh vực sản xuất khác nhau. Thí dụ: thương nhân buôn hàng dệt có thể bán vải của nhiều nhà máy dệt, hoặc có thể vừa bán vải, vừa bán len, dạ...

Hai là, có thương nhân chuyên trách, người sản xuất có thể tập trung thời gian chăm lo việc sản xuất, giảm dự trữ sản xuất, nhờ đó nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng giá trị thặng dư.

Ba là, có thương nhân chuyên trách sẽ rút ngắn thời gian lưu thông, tăng nhanh chu chuyển tư bản, nhờ đó tăng tỷ suất và khối lượng giá trị thặng dư hàng năm.

Như vậy, thương nghiệp không trực tiếp tạo ra giá trị thặng dư, nhưng có thể tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà sản xuất tăng thêm khối lượng giá trị thặng dư.

1.2.2. Tư bản thương nghiệp trong thời kỳ quá độ lên CNXH

Thương nghiệp trong thời kỳ quá độ ở nước ta ra đời không phải do tư bản công nghiệp tách ra chuyên đảm nhận khâu lưu thông như thương nghiệp tư bản chủ nghĩa. Trái lại, nó ra đời từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, lại trải qua thời kỳ dài trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp. Do đó, hoạt động thương nghiệp chưa phát huy đúng vai trò của nó, nhưng nó đã góp phần quan trọng trong quá trình phát triển sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Trong đó tư bản thương nghiệp là các doanh nghiệp do tư bản tư nhân trong nước hoặc nước ngoài bỏ vốn thành lập và tổ chức kinh doanh thương nghiệp theo nguyên tắc của chủ nghĩa tư bản. Nền kinh tế quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là nền kinh tế nhiều thành phần, khi đã có thành phần kinh tế tư bản tư nhân trong sản xuất ắt phải có hình thức lưu thông tương ứng với nó. Trong một nền kinh tế mà sản xuất nhỏ còn phổ biến, tiến lên chủ nghĩa xã hội thì hình thức thương nghiệp này còn có vai trò tiến bộ vì phù hợp với xu hướng xã hội hóa ngày càng cao của lưu thông hàng hóa. Đương nhiên, đã là hình thức kinh tế tư bản chủ nghĩa thì không thể tránh khỏi những tác động tiêu cực đối với thị trường. Do vậy, sự phát triển của hình thức thương nghiệp này phải được sự kiểm soát và quản lý chặt chẽ của nhà nước.

2. THỰC TRẠNG CỦA KINH TẾ TƯ BẢN TƯ NHÂN HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI Ở ĐỒNG NAI HIỆN NAY

2.1. Thực trạng

Chỉ tính từ 6 tháng đầu năm 2002, tỉnh Đồng Nai đã có 164 doanh nghiệp được thành lập với tổng số vốn đăng ký 236,91 tỷ đồng, gồm: 82 doanh nghiệp đăng ký 161,02 tỷ đồng; 4 Công ty cổ phần, vốn đăng ký 30,30 tỷ đồng. Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2002 thu hút được 200 doanh nghiệp dân doanh với tổng số

vốn đầu tư 310 tỷ đồng, gồm: 100 doanh nghiệp tư nhân, vốn đăng ký 60 tỷ đồng; 95 Công ty trách nhiệm hữu hạn, vốn đăng ký 210 tỷ đồng và 5 Công ty cổ phần với số vốn đăng ký 40 tỷ đồng.

Cơ cấu ngành nghề kinh doanh:

- Ngành công nghiệp – xây dựng: 80 doanh nghiệp, tỷ trọng 40%.
- Ngành nông lâm nghiệp: 3 doanh nghiệp, tỷ trọng 1,5%.
- Ngành thương mại, dịch vụ: 92 doanh nghiệp, tỷ trọng 46%.
- Lĩnh vực khác: 25 doanh nghiệp, tỷ trọng 12,5%.

Địa bàn đầu tư chủ yếu tập trung tại thành phố Biên Hòa (60%), kể đến là huyện Thống Nhất (13%), huyện Long Thành (10%), các huyện khác (2-4%).

So 6 tháng đầu năm 2001 tăng 5,26% về số lượng doanh nghiệp và tăng 10% về vốn đăng ký kinh doanh. Ngoài ra còn có 50 chi nhánh của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đăng ký hoạt động.

Tính đến nay, tổng số doanh nghiệp dân doanh đăng ký hoạt động trong toàn tỉnh đã lên đến 1.885 doanh nghiệp với tổng vốn 4.391 tỷ đồng (kể cả vốn đăng ký bổ sung). Trong đó, giai đoạn từ năm 2000 đến tháng 06/2002 (sau khi thực hiện Luật Doanh nghiệp) đã tăng thêm 937 doanh nghiệp với vốn đăng ký 1.353 tỷ đồng, bằng 98,84% về số lượng và bằng 44,53% về số vốn của các doanh nghiệp đăng ký trong 9 năm 1991-1999. Ngành nghề kinh doanh đa dạng, chủ yếu là:

- Ngành công nghiệp – xây dựng: 805 DN, tỷ trọng 42,7%.
- Ngành nông lâm nghiệp: 23 DN, tỷ trọng 1,2%.
- Ngành thương mại, dịch vụ: 942 DN, tỷ trọng 50%.
- Lĩnh vực khác (tín dụng, giao thông): 924 DN, tỷ trọng 6,1%.

*** Phân theo địa bàn hoạt động:**

1. Thành phố Biên Hòa: 1.060 DN, tỷ trọng 56,2%.
2. Huyện Long Thành: 210 DN, tỷ trọng 11,1%.
3. Huyện Thống Nhất: 188 DN, tỷ trọng 10%.
4. Huyện Long Khánh: 105 DN, tỷ trọng 5,6%.
5. Huyện Xuân Lộc: 91 DN, tỷ trọng 4,8%.
6. Huyện Vĩnh Cửu: 80 DN, tỷ trọng 4,2%.
7. Huyện Định Quán: 67 DN, tỷ trọng 3,6%.
8. Huyện Nhơn Trạch: 46 DN, tỷ trọng 2,4%.
9. Huyện Tân Phú: 38 DN, tỷ trọng 2,1%.

*** Bình quân vốn đăng ký của một doanh nghiệp:**

- Doanh nghiệp tư nhân : 0,56 tỷ đồng.
- Công ty TNHH : 2,41 tỷ đồng.
- Công ty cổ phần : 14,00 tỷ đồng.

2.2. Đánh giá tình hình phát triển

Một số kết quả đạt được bước đầu:

- Số lượng doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể liên tục tăng qua các năm: năm 1996 có 47.743 đơn vị, năm 2000 có 55.767 đơn vị, ước 30/6/2002 có 61.885 đơn vị. Bình quân giai đoạn 96-2000 tăng 4,6% năm, từ năm 2000 đến nay, tốc độ tăng hàng năm về số doanh nghiệp thành lập mới ở mức cao hơn (năm 2000 so năm 1999 tăng trên 10%, năm 2001 so năm 2000 tăng 31,3%).

- Đã huy động được nguồn lực đáng kể, góp phần khai thác tiềm năng của tỉnh. Vốn đầu tư của kinh tế tư nhân cũng không ngừng tăng và chiếm tỷ trọng ngày

càng cao qua các năm: năm 1996 là 1.177 tỷ đồng, tỷ trọng 8%, năm 2000 là 4.825 tỷ đồng, tỷ trọng 10,62% tổng vốn đầu tư toàn xã hội (30/6/2001 là 5.991 tỷ đồng). Qua đó, đã góp phần giải quyết việc làm cho 90.690 lao động, tỷ trọng 13,75% (năm 2000) và hiện nay trên 200.000 lao động, tỷ trọng 14% tổng số lao động có việc làm trong tỉnh.

- Số doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại chiếm đa số (chiếm 50% tổng số doanh nghiệp). Hàng năm mức luân chuyển hàng hóa đạt mức cao. Thương nghiệp tư nhân chiếm tới 78% tổng mức bán lẻ trên thị trường. (Trong khi doanh nghiệp nhà nước chỉ chiếm có 21,4%).

- Ngành nghề kinh doanh của thương nghiệp tư nhân phát triển đa dạng, phong phú góp phần tạo ra sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu. Giá trị xuất khẩu của kinh tế tư nhân mặc dù còn chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng qua các năm tỷ trọng này đã có chuyển dịch và tăng trưởng khá cao, chiếm tỷ trọng 18,2% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu địa phương. Các mặt hàng chủ yếu tham gia xuất khẩu gồm hàng nông sản (điều, cà phê, bắp, mì lát...), giày dép, hàng may mặc, dừa tre, đồ mộc dân dụng, gốm mỹ nghệ, giấy vàng mã, lông mi và tóc giả, các sản phẩm bằng nhựa,...

- Kinh tế tư nhân nói chung trong đó có thương nghiệp tư nhân nói riêng phát triển đã có đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế địa phương, mức tăng trưởng bình quân 11%/năm, trong đó kinh tế cá thể tăng 5%, doanh nghiệp dân doanh tăng 20,2%, kinh tế tư nhân trong nông nghiệp tăng 7%. Đến nay, GDP của kinh tế tư nhân đã chiếm tỷ trọng 40% GDP trên địa bàn.

- Nguồn thu cho ngân sách Nhà nước cũng có sự đóng góp quan trọng từ kinh tế tư nhân (chiếm tỷ trọng 14% tổng thu ngân sách của tỉnh). Ngoài ra, đối với các chương trình phát triển xã hội, kinh tế tư nhân cũng đã tham gia và có đóng góp nhất định.

Tồn tại và nguyên nhân:

- Đa số cơ sở kinh tế tư nhân thuộc diện quy mô vừa và nhỏ, vốn ít (bình quân một doanh nghiệp dân doanh là 3,2 tỷ đồng, một hộ kinh doanh cá thể khoảng 26 triệu đồng), trình độ trang thiết bị công nghệ còn ở mức trung bình, lạc hậu chiếm tỷ lệ trên 93%; sức cạnh tranh trên thị trường còn thấp, nhất là thị trường xuất khẩu (trên 93% doanh nghiệp chưa trực tiếp xuất khẩu).

- Quan hệ liên kết trong nội bộ kinh tế tư nhân và với các thành phần kinh tế khác còn hạn chế, chưa phát huy và chưa tận dụng các lợi thế trong quan hệ để phát triển sản xuất – kinh doanh.

- Khả năng tiếp cận nguồn vốn đầu tư còn hạn chế mặc dù nhà nước đã có chủ trương cho vay bình đẳng, không phân biệt giữa các thành phần kinh tế nhưng thực tế còn nhiều thủ tục, cơ chế ràng buộc.

*** Nguyên nhân:**

- Trình độ quản lý của chủ cơ sở và trình độ tay nghề của người lao động chưa cao, mức độ hiểu biết về pháp luật nhà nước còn hạn chế.

- Phần lớn chủ cơ sở chưa qua đào tạo chính quy về quản trị kinh doanh nên chưa xây dựng được chiến lược lâu dài, thiếu dự án đầu tư, đồng thời chưa thiết lập được quan hệ kinh doanh rộng rãi trong và ngoài nước với các thành phần kinh tế khác.

- Thiếu thông tin kinh tế liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, nhất là thông tin về tình hình thị trường, mặt hàng và giá cả.

- Ý thức chấp hành pháp luật của một số cơ sở thương nghiệp tư nhân chưa nghiêm, còn biểu hiện trốn thuế, kinh doanh không đúng chức năng, sử dụng hóa đơn không đúng quy định, chưa thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động.

- Về phía cơ quan nhà nước cũng còn một số hạn chế, chủ yếu do công tác quản lý nhà nước và một số chính sách chưa đồng bộ, bất cập như: công tác truyền truyền phổ biến đường lối, chủ trương củ Đảng, pháp luật của nhà nước về phát triển kinh tế tư nhân chưa được quan tâm đúng mức và thường xuyên; luật Doanh nghiệp đã ban hành nhưng một số chính sách chưa ban hành đồng bộ (quy chế thẩm tra, công nhận giá trị tài sản doanh nghiệp, quy chế phối hợp sau đăng ký kinh doanh,...); công tác tư vấn hỗ trợ cho doanh nghiệp còn yếu và hạn chế nhất là trong lĩnh vực tư vấn về thông tin tình hình thị trường.

3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG CỦA KINH TẾ TƯ BẢN TƯ NHÂN TRONG LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI Ở ĐỒNG NAI

Chương trình hành động của Ban chấp hành tỉnh Đảng bộ thực hiện Nghị quyết lần thứ V của Ban chấp hành Trung ương đảng khóa IX đã đề ra một số giải pháp chủ yếu tiếp tục khuyến khích phát triển thương nghiệp tư bản tư nhân như sau:

3.1. Thực hiện các chính sách, giải pháp hỗ trợ

3.1.1. Về chính sách đất đai, mặt bằng cho kinh doanh:

Đa số các tư nhân kinh doanh là có sẵn mặt bằng, nhưng một số tư bản tư nhân lớn cần phải có mặt bằng kinh doanh. Vậy phải có chính sách hỗ trợ tạo điều kiện cho họ có mặt bằng để xây dựng các cửa hàng, cửa hiệu... Khuyến khích các Công ty kinh doanh hạ tầng xây dựng nhà xưởng trong các quy hoạch cho nhà đầu tư thuê sản xuất kinh doanh nhằm rút ngắn thời gian xây dựng và giảm được chi phí đầu tư ban đầu.

Căn cứ vào quy hoạch các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, Nhà nước đầu tư hạ tầng một số khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc địa bàn khuyến khích đầu tư ở các huyện miền núi của tỉnh, các cụm công nghiệp phát triển ngành nghề truyền thống, làng nghề: gốm, gạch ngói... với phương thức thích hợp và giá cả ưu đãi cho các doanh nghiệp, trong đó có kinh tế tư nhân thuê để làm mặt bằng kinh doanh.

- Đối với đất ở của tư nhân đã được cấp quyền sử dụng đất, đất đang làm trụ sở, mặt bằng kinh doanh của tư nhân do được chuyển nhượng lại một cách hợp pháp quyền sử dụng hoặc được Nhà nước giao đã nộp tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, thì được tiếp tục sử dụng mà không phải nộp thêm tiền thuê đất cho Nhà nước khi dùng đất này để kinh doanh.

3.1.2. Về thực hiện chính sách tài chính – tín dụng:

- Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chính sách ưu đãi của Chính phủ và của Tỉnh đã ban hành đối với tư nhân kinh doanh trên địa bàn.

- Các tổ chức tín dụng tăng cường mức cho vay phù hợp, đơn giản về thủ tục vay tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận vay vốn. Kinh tế tư nhân được dùng giá trị quyền sử dụng đất để thế chấp vay vốn; được dùng tài sản hình

thành từ vốn vay để thế chấp vay vốn ở các tổ chức tín dụng, quỹ hỗ trợ phát triển, quỹ đầu tư phát triển của Nhà nước.

- Hàng năm, các ngành chức năng và các tổ chức tài chính – tín dụng có trách nhiệm cân đối và ưu tiên bố trí nguồn vốn tín dụng ưu đãi Nhà nước cho vay đối với các doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp tư nhân thuộc ngành nghề khuyến khích ưu đãi đầu tư, có phương án kinh doanh hiệu quả.

- Thương nghiệp tư nhân có dự án đầu tư thuộc danh mục ngành nghề khuyến khích, ưu đãi được vay vốn ưu đãi, được cấp bù lãi suất từ quỹ đầu tư phát triển, quỹ hỗ trợ đầu tư Nhà nước.

3.1.3. Thực hiện chính sách hỗ trợ về thông tin và xúc tiến thương mại:

- Nhà nước hỗ trợ kinh phí để xây dựng hệ thống thông tin nhằm tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân tiếp cận kịp thời về luật pháp, chính sách của Đảng và Nhà nước, các thông tin về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm, hàng năm, các chính sách ưu đãi của Nhà nước, của tỉnh, như:

* Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về doanh nghiệp tư nhân tại Sở Kế hoạch & Đầu tư, nối mạng với Trung tâm thông tin của Bộ Kế hoạch & Đầu tư để cung cấp thông tin cho các doanh nghiệp cũng như yêu cầu quản lý của Nhà nước.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường cả trong và ngoài nước. Trong từng thời kỳ, UBND tỉnh căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách có thể hỗ trợ một phần kinh phí cho kinh tế tư nhân đối với một số sản phẩm cần khuyến khích, sản phẩm mới sản xuất, mở thị trường mới.

3.2. Tiếp tục hoàn thiện và tăng cường quản lý Nhà nước đối với thương nghiệp tư bản tư nhân

3.2.1. Hoàn thiện quy chế về quản lý Nhà nước đối với thương nghiệp tư nhân:

Hoàn thiện quy chế về quản lý Nhà nước đối với thương nghiệp tư nhân trên địa bàn theo hướng một đầu mối, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và sự phân công phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp. Tăng cường hơn nữa trách nhiệm của các Sở quản lý chuyên ngành và UBND các cấp trong quản lý sau giấy phép theo hướng:

- Sở Kế hoạch & Đầu tư là cơ quan đầu mối thực hiện chức năng cấp đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp tư nhân theo Luật Doanh nghiệp, có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động cũng như tham mưu đề xuất cách giải quyết các kiến nghị của kinh tế tư nhân trên địa bàn.

- Các Sở chuyên ngành thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với thương nghiệp tư nhân thuộc ngành nghề, lĩnh vực quản lý Nhà nước của Sở, có trách nhiệm xây dựng định hướng phát triển ngành; tiến hành thanh, kiểm tra và xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật; tổng hợp tình hình hoạt động của kinh tế tư nhân thuộc ngành, lĩnh vực do Sở quản lý.

- UBND huyện, TP. Biên Hòa thực hiện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với hộ cá thể theo Nghị định 02/CP, có trách nhiệm phối hợp với các Sở quản lý chuyên ngành trong quy hoạch định hướng phát triển ngành nghề, sản phẩm, thanh tra, kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn; tổng hợp tình hình hoạt động của kinh tế cá thể trên địa bàn.

- UBND cấp phường, xã có trách nhiệm kiểm tra tính trung thực trong nội dung đăng ký kinh doanh như: địa điểm, bảng hiệu, ngành nghề... của kinh tế tư nhân trên địa bàn và thông báo định kỳ cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện.

- Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý chuyên ngành, UBND các cấp trong quản lý sau giấy phép. Kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi kinh doanh không đúng nội dung đăng ký, không đúng pháp luật nhất là những ngành nghề kinh doanh có giấy phép, kinh doanh có điều kiện; đồng thời có chế độ khen thưởng, động viên các doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3.2.2. Kiện toàn và củng cố cơ quan đăng ký kinh doanh:

* Củng cố và tăng cường hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh: phòng Đăng ký kinh doanh trực thuộc Sở Kế hoạch & Đầu tư, phòng Tài chính kế hoạch thuộc UBND huyện, TP. Biên Hòa. Sở Kế hoạch & Đầu tư, UBND các huyện, TP. Biên Hòa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ cần tăng cường bổ sung cán bộ để thực hiện nhiệm vụ.

* Hoàn chỉnh, vi tính hóa hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh với các Sở, ngành có liên quan nhằm tạo thuận lợi hơn trong cấp ĐKKD, cấp giấy phép cũng như quản lý kinh tế cá nhân.

* Đào tạo và bố trí cán bộ chuyên trách làm công tác đăng ký kinh doanh và quản lý kinh tế tư nhân ổn định lâu dài từ tỉnh đến huyện.

3.2.3. Cải cách thủ tục hành chính trong đăng ký kinh doanh:

- Ban hành và công bố, niêm yết công khai các loại hồ sơ, quy trình cấp đăng ký kinh doanh, ưu đãi đầu tư trên các phương tiện thông tin và tại cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về doanh nghiệp trong hệ thống cơ quan đăng ký kinh doanh với một số cơ quan tổng hợp có liên quan đến quản lý sau giấy phép như: Thuế, Hải quan, Thống kê... để phục vụ kịp thời cho yêu cầu cung cấp thông tin và công tác quản lý Nhà nước.

3.2.4. Thực hiện thanh tra, kiểm tra các hoạt động của kinh tế tư nhân:

Thực hiện thanh tra, kiểm tra các hoạt động của kinh tế tư nhân nhằm hướng hoạt động theo nội dung đã đăng ký và đúng pháp luật, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, bảo đảm cho sự phát triển bình đẳng, lành mạnh trong khu vực kinh tế tư nhân và với các thành phần kinh tế khác. Việc thanh tra, kiểm tra phải tuân thủ theo Nghị định số 61/CP của Chính phủ và QĐ 692/QĐ-UBT của UBND tỉnh.

3.2.5. Tăng cường gỡ gạc doanh nghiệp để giải quyết kịp thời các vướng mắc, khó khăn cho doanh nghiệp.

- Đổi mới phương thức lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng trong khu vực kinh tế tư nhân, tập trung vào việc nâng cao nhận thức chính trị, ý thức chấp hành pháp luật của cả người lao động và doanh nghiệp, vì mục tiêu chung là phát triển doanh nghiệp, tăng thu nhập nâng cao đời sống của người lao động, doanh nghiệp có lãi và có đóng góp cho Nhà nước.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị: 07/TW ngày 23/11/1996 về tăng cường công tác xây dựng đảng và các đoàn thể nhân dân trong kinh tế tư nhân (Doanh nghiệp tư nhân, Công ty TNHH, Công ty cổ phần).

KẾT LUẬN

Tư bản tư nhân hoạt động trong lĩnh vực thương mại đã đóng góp to lớn cho việc phát triển sản xuất là lưu thông hàng hóa trên thị trường. Trên địa bàn tỉnh Đồng Nai kinh tế tư bản tư nhân hoạt động trong lĩnh vực thương mại đã có những bước phát triển đáng kể. Nhưng nhìn chung vốn kinh doanh còn hạn hẹp, lĩnh vực kinh doanh còn chưa rộng rãi, chủ yếu đi vào hoạt động ở những mặt hàng lưu thông ở đô thị, còn ở vùng sâu vùng xa rất hạn chế... Để phát triển hơn nữa thời gian tới cần:

- Xây dựng chiến lược phát triển kinh tế tư nhân, đây là một bộ phận quan trọng, không thể thiếu trong chiến lược phát triển kinh tế xã hội nước ta từ nay đến năm 2010.

- Ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc kiểm tra sau đăng ký kinh doanh.

- Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn hệ thống tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức cộng đồng doanh nghiệp thống nhất trong toàn quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tỉnh ủy Đồng Nai, *Tình hình kinh tế – xã hội Đồng Nai năm 2002*.
2. Tỉnh ủy Đồng Nai, *Tình hình kinh tế tư nhân năm 2002*.
3. Hội đồng TW biên soạn giáo trình chuẩn các môn khoa học Mác – Lênin, *Kinh tế học Chính trị Mác – Lênin*, NXB Chính trị – Quốc gia, Hà Nội 2000.
4. Ban tư tưởng - văn hóa TW, *Tài liệu tham khảo (phục vụ nghiên cứu học tập các NQ hội nghị lần thứ V BCH TW Đảng khóa IX)*, NXB Chính trị – Quốc gia, Hà Nội 2002.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu Toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội 2001.

Bài 4

PHÁT HUY NHÂN TỐ TÍCH CỰC CỦA TÔN GIÁO TRONG VIỆC TĂNG CƯỜNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỦA NGƯỜI CHĂM Ở TỈNH BÌNH THUẬN

Đoàn kết là một trong những giá trị tinh thần truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam. Trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước, dân tộc ta - một dân tộc đất không rộng, người không đông, nhờ đoàn kết một lòng đã tạo nên sức mạnh nội lực phi thường để chiến thắng. Khẳng định giá trị ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đúc kết thành bài học : “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”.

Truyền thống ấy, bài học ấy luôn được Đảng ta đề cao và phát huy trong sự nghiệp cách mạng hiện nay. Văn kiện Đại hội IX của Đảng đã chỉ rõ: “Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội” (1, 123). Trong đó, “... Phát huy những giá trị tốt đẹp về văn hóa, đạo đức của tôn giáo” (1, 128) giữ vai trò quan trọng trong chiến lược đoàn kết toàn dân ở nước ta hiện nay.

Với ý nghĩa đó, nên việc chọn vấn đề “**Phát huy nhân tố tích cực của tôn giáo trong việc tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc của người Chăm ở tỉnh Bình Thuận**” làm đề tài tài liệu tham khảo nhằm gắn liền giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình giảng dạy các môn học: Dân tộc học, Tôn giáo học và CNXHKKH. Ngoài ra còn góp phần phục vụ cho công tác của lực lượng CAND.

1. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1.1. Vị trí địa lý, dân số và sự phân bố dân cư

Tỉnh Bình Thuận nằm cuối dải đất Nam Trung Bộ, phía Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng, Ninh Thuận; Phía Tây - Tây nam giáp Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu; Phía Đông - Đông Nam giáp biển Đông. Bình Thuận có đặc điểm khí hậu, thổ nhưỡng của vùng duyên hải miền Trung với 2 mùa mưa - nắng rõ rệt. Diện tích tự nhiên của Bình Thuận là 799.226ha (2,1), chiều dài bờ biển là 192km, có trục quốc lộ 1 và đường sắt xuyên Việt đi qua.

Bình Thuận có 09 đơn vị hành chính (01 thành phố, 08 huyện với 115 xã, phường thị trấn). Theo số liệu điều tra dân số tháng 4/1999, toàn tỉnh có 1.047.000 người, trong đó có 12.815 hộ với 71.912 nhân khẩu là dân tộc thiểu số, chiếm hơn 7% dân số toàn tỉnh.

Đồng bào Chăm cư trú ở đây gồm có : 4.990 hộ với 30.235 nhân khẩu chiếm 2,88% dân số toàn tỉnh, chiếm 40% dân số các dân tộc thiểu số và khoảng 30% dân số người Chăm trong cả nước. Trong tất cả các dân tộc cư trú ở Bình Thuận thì người Chăm có số lượng dân cư đứng thứ 2 sau người Kinh.

Người Chăm cư trú theo từng làng (Plây) xen kẽ với người Kinh, bao gồm: Tập trung nhất là ở huyện Bắc Bình (13 thôn), Tuy Phong (03 thôn, Hàm Thuận Bắc (03 thôn), ngoài ra còn có một số cụm người Chăm ở thôn Chăm - Tân Thuận (Hàm Thuận Nam), Lạc Tánh (Tánh Linh), Tân Thắng (Hàm Tân). Tổng cộng có 23 thôn trong 13 xã ở 6 huyện có người Chăm sinh sống, trong đó có 04 xã thuần Chăm đó là : Phan Thanh, Phan Hiệp, Phan Hòa ở huyện Bắc Bình và xã Phú Lạc huyện Tuy Phong (2,3).

1.2. Tình hình tôn giáo

Theo báo cáo của Công an tỉnh Bình Thuận ngày 19/12/2002 thì hiện nay đồng bào Chăm theo 02 tôn giáo truyền thống, đó là : Đạo Bàlamôn và đạo Bàni (một dạng Hồi giáo đã bị bản địa hóa, dân tộc hóa, chỉ còn giữ lại một số nét của Hồi giáo chính thống). Khái quát về tình hình tôn giáo của đồng bào Chăm, có mấy vấn đề cơ bản như sau :

Người Chăm theo đạo Bàlamôn có 2.387hộ, 13.254 khẩu, chức sắc đạo Bàlamôn có 78 người, trong đó : 16 sư cả, 69 thầy (14 thầy xế, 17 thầy võ, 19 thầy cò ke, 19 thầy bóng). Các cơ sở thứ tự gồm có : 01 tháp, 08 đền miếu, 07 lăng, 09 dinh. Đây là những nơi cúng tế, tổ chức lễ hội theo tập quán của người Chăm. Trong đó có 5 cơ sở được Bộ văn hóa thông tin cấp bằng công nhận di tích quốc gia : Tháp Pôshanur (Phan Thiết), tháp PôĐam (Tuy Phong), đền thờ PôNit, đền thờ PoKLongMơ và bộ sưu tập di sản hoàng tộc Chăm (nhà bà Nguyễn Thị Thiềm) ở huyện Bắc Bình (5,22).

Người Chăm theo đạo Bàni có 2.603 hộ với 16.981 khẩu. Thành phần chức sắc gồm có 211 người, trong đó : 11 sư cả, 98 thầy Mum, 10 thầy tít tân, 92 thầy chan. Có 10 chùa Bàni là nơi tu hành, cúng tế của các chức sắc, tín đồ trong tháng lễ Ramurwan và các lễ hội khác.

Một số quy định của tôn giáo thể hiện trong các phong tục tập quán : Đồng bào Chăm theo đạo Balamôn kiêng ăn thịt bò, khi chết thì hỏa táng và nhập vào cút dòng họ mẹ; Không được kết hôn với người ngoại đạo; Sử dụng lịch Chăm trong các ngày lễ, cúng kiến. Đối với đạo Bani thì kiêng ăn thịt heo, thịt dông. Trẻ em khi đủ 15 tuổi phải làm lễ nhập đạo, hàng năm họ tổ chức tết cổ truyền Ramurwa vào tháng 7, mỗi dòng họ (Balamôn) và mỗi chùa (Bani) đều có một vị sư cả đứng đầu trông coi việc đạo và cũng là người có quyền chi phối toàn bộ mọi sinh hoạt thường ngày ở thôn Chăm.

Trong 288 chức sắc tôn giáo người Chăm ở Bình Thuận hiện nay, đều xuất thân từ thành phần nông dân, trình độ văn hóa thấp. Đa số họ là những người lớn tuổi, vừa thực hiện chức năng tôn giáo, vừa lao động sản xuất cho kinh tế gia đình. Do thực hiện tốt chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào dân tộc thiểu số cho nên đa số những người này đều có thái độ chính trị tốt, gắn bó với chính quyền, vận động tín đồ chấp hành tốt các quy định của chính quyền địa phương. Song bên cạnh đó, do tác động của nhiều yếu tố khác nhau, một số chức sắc còn có thái độ lưng chừng, chưa có thái độ chống đối chính quyền.

2. PHÁT HUY NHÂN TỐ TÍCH CỰC CỦA TÔN GIÁO TRONG VIỆC TĂNG CƯỜNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC CỦA NGƯỜI CHĂM Ở TỈNH BÌNH THUẬN

Người Chăm ở tỉnh Bình Thuận nói riêng và người Chăm cư trú trên lãnh thổ Việt Nam nói chung là một bộ phận của cư dân nước Việt Nam, là một trong 54 dân tộc anh em trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam thống nhất, họ vui, buồn, thăng trầm cùng vận mệnh của Tổ quốc. Vì vậy, đoàn kết giữa người Chăm với các dân tộc anh em khác sẽ góp phần củng cố thời đại đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp cách mạng hiện nay. Nghiên cứu đời sống xã hội của người Chăm ở tỉnh Bình Thuận đã cho thấy vai trò to lớn của tôn giáo (Balamôn và Bani) có ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện chính sách, đường lối, chủ trương của Đảng đối với đồng bào ở đây. Nhằm tăng cường khối đại đoàn kết cộng đồng người Chăm trong thời đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam, đấu tranh làm thất bại những âm mưu, hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam trong cộng đồng người Chăm thì việc quan tâm đến vấn đề tôn giáo là một nội dung quan trọng. Từ thực tế tình hình tôn giáo ở người Chăm, cần chú ý đến một số vấn đề sau :

Thứ nhất: Phát huy vai trò của tầng lớp chức sắc của hai tôn giáo (Balamôn, Bani) trong việc tuyên truyền, vận động người Chăm thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Trong lịch sử và cả thực tế hiện nay ở vùng đồng bào Chăm sinh sống, các chức sắc tôn giáo có vai trò quan trọng đối với đời sống, sinh hoạt mỗi làng (Plây) không những chỉ việc đạo mà cả việc đời.

Đối với bất kỳ một người Chăm nào, dù là tín đồ của Balamôn giáo, Bani thì các vị chức sắc có vị trí quan trọng trong suy nghĩ của họ. Sở dĩ có tình hình này là bởi vì : Đại bộ phận giới chức sắc là con em của nhân dân lao động. Họ là những người có uy tín, am hiểu giáo luật và việc cúng kính trong các dịp lễ hội. Mặt khác, họ là những người đứng đầu mỗi dòng họ hay là người lớn tuổi. Cũng giống như các cộng đồng dân tộc ít người ở Tây Nguyên hay miền núi phía Bắc có các già làng, trưởng bản là hạt nhân, là trung tâm cố kết cả cộng đồng thì đối với người Chăm cũng như vậy. Đời sống tinh thần của người Chăm gắn liền với niềm tin tôn

giáo, chính vì vậy tầng lớp chức sắc mà đặc biệt là các vị sư cả là người chăm lo đời sống tinh thần của họ. Sư cả chính là cầu nối giữa họ với đẳng tối cao, là nơi mà họ có thể gửi gắm mọi tâm tư, nguyện vọng của mình. Mặt khác trong đời sống hàng ngày, họ là những người tích cực tham gia các hoạt động xã hội, cũng chính họ phải trực tiếp sản xuất. Vì vậy, tiếng nói, hay ý kiến của họ có ảnh hưởng lớn đối với mọi người trong cộng đồng. Cho nên, vận động tầng lớp chức sắc (nhất là sư cả) là một bộ phận quan trọng trong công tác dân vận. Đó cũng chính là một nội dung quan trọng trong công tác tôn giáo ở địa bàn người Chăm của lực lượng CAND. Nhờ đó mà tầng lớp chức sắc ngày càng tích cực tham gia các hoạt động tuyên truyền, giáo dục bà con giáo dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, xây dựng cuộc sống mới.

Thứ hai: Phải gìn giữ, tôn tạo và phát huy những giá trị văn hóa, vai trò xã hội tích cực những nơi thờ tự của người Chăm. Đó là những công trình kiến trúc độc đáo, là di sản quý giá của quốc gia, các ngôi chùa Bani và các đền miếu, lăng, dinh, tháp Chăm (Bàlamôn).

Đối với đồng bào Chăm nói chung và ở Bình Thuận nói riêng, dù theo tôn giáo nào thì những nơi thờ tự là niềm tự hào của họ. Đó chính là những công trình kiến trúc độc đáo, phản ánh một nền văn minh rực rỡ của dân tộc Chăm trong lịch sử. Đối với người Chăm mọi vui buồn của cuộc đời mỗi người đều gắn bó với nơi thờ tự. Cho đến hiện nay, cuộc sống thực tế của họ còn rất nghèo túng, thiếu thốn trong căn nhà lá lụp sụp, xung quanh là phen đất. Nhưng họ luôn luôn sẵn sàng và tự nguyện trong việc đóng góp tiền của, công sức để xây dựng đền miếu, lăng, dinh và các tháp cũng như các việc chăm lo đến việc thờ tự. Bởi vì, chính những nơi này là nơi diễn ra các lễ hội cũng như các sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo. Không chỉ riêng các hoạt động liên quan đến tôn giáo, mà các lễ hội dân gian cũng được tổ chức tại đây. Ở mỗi làng (Plây) hay mỗi khu vực cư trú thì nơi thờ tự chính là trung tâm. Người Chăm xem nơi thờ tự là nơi cúng kính trong các lễ hội của dân tộc như lễ Ramurwan, tang ma, đám cưới. Thông qua các sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo ở chùa (Chăm Bani) hay các đền miếu (Bàlamôn) mà các phong tục tập quán truyền thống văn hóa được duy trì. Ngôi chùa hay các đền miếu từ lâu đã là biểu tượng văn hóa của người Chăm ở Việt Nam. Có thể nói rằng, những nơi thờ tự của người Chăm là những bảo tàng chứa đựng những di sản vô giá của dân tộc : Những công trình kiến trúc, những bức phù điêu nghệ thuật điển hình của người Chăm được thể hiện ở những đường nét hoa văn trang trí, những pho tượng, kiêu dáng kiến trúc xây dựng... Chính vì vậy, nơi thờ tự không những là trung tâm sinh hoạt văn hóa – xã hội của cư dân, mà còn là nơi lưu giữ bản sắc, những giá trị văn hóa của người Chăm. Hiện nay ở Bình Thuận, có 5 công trình kiến trúc của người Chăm được Nhà nước công nhận là di tích quốc gia.

Thứ ba: Phải tôn trọng và phát huy vai trò xã hội của đạo Bàlamôn và đạo Bani trong đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào Chăm ở tỉnh Bình Thuận.

Qua những vấn đề nêu trên, đã chứng tỏ : Chính tôn giáo (Bàlamôn hay Bani) là một trong những nhân tố góp phần làm nên sắc thái riêng của cộng đồng người Chăm, giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể ẩn chứa và được thể hiện qua tôn giáo của người Chăm như : Kiến trúc, hội họa, điêu khắc, âm nhạc, múa Chăm v.v... Những điều cấm kỵ, răn dạy trong giáo làng Bàlamôn và Bani mang giá trị đạo đức, nhân văn sâu sắc; Góp phần ngăn chặn những dục vọng, ham muốn thái quá ở con

người, nhất là xu hướng tôn sùng vật chất, khuyến khích tiêu thụ, đam mê đồng tiền trong nền kinh tế thị trường hiện nay; Từ đó không chỉ giữ gìn được di sản văn hóa vật thể và phi vật thể quý giá của dân tộc, mà còn góp phần phát triển ngành du lịch được coi là “ngành công nghiệp không khói” tiềm năng và thế mạnh của tỉnh Bình Thuận.

Niềm tin tôn giáo của người Chăm được hiện thực hóa qua những sinh hoạt ở những cơ sở thờ tự – là nơi thực hành nghi lễ, thờ phụng của đồng bào, đồng thời cũng là nơi lưu giữ, bảo tồn những giá trị văn hóa vật thể – phi vật thể vô giá của dân tộc Chăm nói riêng và văn hóa dân tộc Việt Nam nói chung.

Như vậy, sự tồn tại của tôn giáo cũng góp phần gìn giữ và bảo lưu văn hóa truyền thống. Việc gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể ở tỉnh Bình Thuận không thể không quan tâm đến hai tôn giáo truyền thống mà đồng bào Chăm ở đây đã lưu giữ từ hàng nghìn năm nay.

KẾT LUẬN

Dân tộc Chăm ở tỉnh Bình Thuận có nguồn gốc lâu đời, là chủ nhân của mảnh đất này, cang thăng trầm qua các thời kỳ biến đổi của lịch sử Việt Nam. Người Chăm có một nền văn hóa lâu đời, một nền văn minh rực rỡ, thể hiện những đặc trưng văn hóa riêng ghi đậm dấu ấn của tôn giáo truyền thống mà đồng bào đã lưu giữ từ bao đời nay. Để thực hiện tốt chiến lược đại đoàn kết dân tộc ở đây thì việc tìm hiểu và phát huy nhân tố tích cực của tôn giáo của đồng bào Chăm luôn giữ vị trí quan trọng. Đây là một vấn đề rất nhạy cảm mà các thế lực phản động luôn lợi dụng để chống phá cách mạng Việt Nam. Cho nên đòi hỏi phải có sự vận dụng khéo léo về mọi mặt để đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau với đồng bào các dân tộc không theo tôn giáo nào, tạo nên khối đại đoàn kết vững chắc. Từ đó có thể đập tan mọi âm mưu của kẻ thù, phục vụ sự nghiệp cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ IX*, NXB CTQG, HN-2001.
2. Công an tỉnh Bình Thuận, *Tài liệu nghiên cứu ở vùng dân tộc Chăm*, năm 2002.
3. Công an tỉnh Bình Thuận, *Báo cáo công tác Công an năm 2002*, số 488/BC-CAT (PV11).
4. Công an tỉnh Bình Thuận, *Công tác đấu tranh chống FULRO Chăm của Công an Bình Thuận*, (PA 35) – 1995.
5. Công an tỉnh Bình Thuận, *Báo cáo công tác về dân tộc Chăm tỉnh Bình Thuận*, số 203/BC – CAT (PA 38), tháng 12/2001.
6. TS. Nguyễn Thị Nga, *Đoàn kết tôn giáo trong chiến lược đoàn kết toàn dân ở nước ta hiện nay*, TCCS số 22 (11/2001).

Bài 5

MỐI QUAN HỆ GIỮA DÂN CHỦ VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI XÃ HỘI Ở NƯỚC TA

Thực tiễn của công cuộc đổi mới vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, cho chúng ta nhiều kinh nghiệm quý, trong đó có

kinh nghiệm về mở rộng dân chủ, phát huy quyền làm chủ của người dân- động lực, mục tiêu của phát triển cân đối, hài hòa và bền vững. Trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều diễn biến nhanh chóng và phức tạp, đất nước đang đứng trước những thời cơ và vận hội, đồng thời cũng nhiều thách thức, nguy cơ không thể xem thường. Để quá trình dân chủ hoá xã hội diễn ra theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đòi hỏi chúng ta phải có quan niệm đúng về mối quan hệ giữa dân chủ và chủ nghĩa xã hội, đồng thời trên cơ sở đó đề ra những phương hướng để đảm bảo cho quá trình dân chủ diễn ra trong sự ổn định chính trị và phát triển của đất nước.

Với lý do trên, chuyên đề “**Mối quan hệ giữa dân chủ và chủ nghĩa xã hội trong công cuộc đổi mới xã hội ở nước ta**” làm tài liệu tham khảo cho sinh viên học môn chủ nghĩa xã hội khoa học tại trường Đại học CSND.

I. Mối quan hệ giữa dân chủ và chủ nghĩa xã hội

Khi đề cập đến mối quan hệ giữa dân chủ và chủ nghĩa xã hội, Lênin cho rằng không có chế độ dân chủ thì không thể thực hiện được chủ nghĩa xã hội. Bởi vì giai cấp vô sản không thể hoàn thành cuộc cách mạng XHCN nếu không tiến hành cuộc đấu tranh cho dân chủ; Chủ nghĩa xã hội sẽ không duy trì được thắng lợi, nếu không thực hiện đầy đủ chế độ dân chủ. Về vấn đề này Lênin viết: “cũng giống như không thể có chủ nghĩa xã hội thắng lợi mà lại không thực hiện dân chủ hoàn toàn, giai cấp vô sản cũng không thể nào chuẩn bị để chiến thắng giai cấp tư sản được nếu nó không tiến hành, một cuộc đấu tranh toàn diện, triệt để và cách mạng để giành dân chủ”⁽¹⁾.

Như vậy, đấu tranh cho dân chủ và đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, dân chủ và chủ nghĩa xã hội không thể tách rời, đối lập nhau.

Tư tưởng trên của Lênin cần được hiểu với nghĩa sau: Khi tính thế cách mạng vô sản chưa chín muồi, cuộc đấu tranh để đòi giai cấp tư sản và các thế lực cầm quyền khác chỉ thực hiện những yêu cầu dân chủ ngày càng cao của nhân dân là bước chuẩn bị tích cực, cần thiết cho sự chín muồi của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Quan điểm đó của Lênin xuất phát từ sự đánh giá khách quan, không định kiến đối với dân chủ đạt được trong CNTB. Trong khi thừa nhận một thực tế không thể chối cãi rằng “CNTB nói chung và đặc biệt là chủ nghĩa đế quốc đều làm cho dân chủ trở thành một ảo tưởng”⁽²⁾; Rằng, dân chủ trong CNTB chỉ là thứ dân chủ cho kẻ có của; Rằng, dân chủ tư sản là thứ nửa vời, cắt xén, lừa bịp... Lênin cũng không ngần ngại khi thừa nhận: “CNTB lại đề ra những nguyện vọng dân chủ trong quần chúng, tạo ra những thiết chế dân chủ”⁽³⁾; “Chúng ta, những người theo chủ nghĩa Mác, chúng ta phải biết rằng giai cấp vô sản và nông dân không có và không thể có con đường nào khác dẫn tới tự do chân chính ngoài con đường tự do tư sản và tiến bộ tư sản”⁽⁴⁾. Bởi vì, trong chủ nghĩa tư bản, trước áp lực đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng, giai cấp tư sản cầm quyền buộc phải chấp nhận một số yêu cầu dân chủ nào đó của nhân dân. mức độ và chiều sâu của những giá trị dân chủ đạt được trong xã hội đó trước hết và chủ yếu tùy thuộc vào thành quả đấu tranh của nhân dân.

Xét trên ý nghĩa đó, những giá trị dân chủ chân chính mà nhân dân đạt được trong chủ nghĩa tư bản cũng mang tính nhân dân. Vì vậy, dân chủ trong các xã hội có giai cấp đối kháng chứa đựng sự thống nhất có tính mâu thuẫn giữa bản chất giai cấp của giai cấp thống trị với tính nhân dân. Dân chủ càng tiến đến đỉnh cao của nó, những yếu tố mang tính nhân dân càng tăng khiến cho mâu thuẫn giữa bản chất giai cấp của dân chủ thuộc giai cấp bóc lột cầm quyền với tính nhân dân của dân chủ

ngày càng trở nên gay gắt. Xem xét vấn đề từ giác độ đó, Lênin cho rằng chủ nghĩa tư bản trong khi tạo ra những thiết chế dân chủ, nó cũng “làm gay gắt thêm sự đối kháng giữa chủ nghĩa đế quốc phủ nhận dân chủ với quần chúng khao khát dân chủ”⁽⁵⁾. Đó cũng là một trong những nguyên nhân dẫn tới cách mạng xã hội nhằm giải quyết mâu thuẫn nêu trên bằng việc hình thành một nền dân chủ mới về chất - đó là dân chủ xã hội chủ nghĩa. Trong nền dân chủ mới có sự thống nhất về cơ bản giữa bản chất giai cấp công nhân dân, tính dân tộc và tính nhân loại.

Sự đồng thời tồn tại bản chất giai cấp của dân chủ với tư cách là chế độ chính trị và những yếu tố dân chủ có giá trị nhân dân đã làm cho sự phát triển của các nền dân chủ mang tính biện chứng. Điều đó biểu hiện ở chỗ, trong tiến trình phát triển của dân chủ qua các chế độ xã hội khác nhau, sự thay thế loại hình dân chủ này bằng loại hình dân chủ khác cũng là sự thống nhất giữa liên tục và gián đoạn. Xét về bản chất giai cấp, sự thay thế các chế độ dân chủ là sự đứt đoạn xét về những yếu tố có tính nhân dân mà loại hình dân chủ mới - cao hơn cần kế thừa từ loại hình dân chủ bị phủ định, nó là một quá trình liên tục. Quan điểm đó giúp chúng ta tránh thái độ phủ định sạch trơn đối với mọi giá trị đạt được trong các loại hình dân chủ có trước chủ nghĩa xã hội; nó cũng giúp chúng ta tránh khỏi cực đoan tuyệt đối hoá tính giai cấp hay tính nhân loại của dân chủ. Quan điểm nêu trên cũng cho thấy, để hình thành nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải biết kế thừa có phê phán một số thành quả dân chủ đã đạt được trong chủ nghĩa tư bản và xem chúng như là những yếu tố tạo ra tiền đề để có chủ nghĩa xã hội, thông qua cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Sử dụng những hình thức dân chủ đạt được trong chủ nghĩa tư bản và thông qua cuộc đấu tranh cho dân chủ, giai cấp công nhân, nhân dân lao động ngày càng ý thức được vị trí lịch sử của mình, ý thức ngày càng sâu sắc sự không thể tương dung giữa lợi ích của giai cấp tư sản bóc lột với lợi ích của quần chúng cần lao, hình thành những tổ chức độc lập với giai cấp tư sản để quy tụ sức mạnh của bản thân mình nhằm đấu tranh cho nền dân chủ chân chính của nhân dân. Bởi thế, Lênin cho rằng: “Giai cấp vô sản không thể giành được thắng lợi bằng cách nào khác hơn là thông qua chế độ dân chủ, nghĩa là bằng cách thực hiện chế độ dân chủ triệt để và đem những yêu sách dân chủ được đề ra một cách kiên quyết nhất mà gắn liền với từng cuộc đấu tranh của họ”⁽⁶⁾. Đấu tranh cho dân chủ trở thành lá cờ quy tụ lực lượng cách mạng trong cuộc đấu tranh của họ vì chủ nghĩa xã hội.

- Trong khi nhấn mạnh tầm quan trọng của cuộc đấu tranh cho dân chủ dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, chúng ta cần lưu ý rằng nếu tự giới hạn cuộc đấu tranh ở đó, không tiến tới cuộc cách mạng triệt để thì nền dân chủ chân chính của nhân dân cũng không thể thực hiện được. Đó là lý do vì sao trong khi xem “Cách mạng xã hội chủ nghĩa không thể nào thực hiện được, nếu không có cuộc đấu tranh cho nền dân chủ”, Lênin cũng kiên quyết khẳng định: “cần phải kết hợp cuộc đấu tranh cho dân chủ với cuộc đấu tranh cho cách mạng xã hội chủ nghĩa, bắt cái thứ nhất phục tùng cái thứ hai”. Người xem: “Tất cả khó khăn là ở đây; toàn bộ thực chất là ở đây”⁽⁷⁾.

Chúng ta không phủ nhận rằng trong các chế độ xã hội trước chủ nghĩa xã hội, trực tiếp nhất là trong chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân và nhân dân lao động đã hưởng một số giá trị dân chủ với tư cách là thành quả đấu tranh của chính mình, song do bản chất giai cấp của nó, dân chủ tư sản vẫn chỉ là dân chủ của một thiểu số

và cho một thiểu số người có của. Nền dân chủ đó có chức năng cơ bản là bảo vệ, củng cố chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất, duy trì chế độ người bóc lột người. Trong khi đó, dân chủ xã hội chủ nghĩa là dân chủ cho quảng đại quần chúng nhân dân, vì lợi ích của nhân dân và lấy việc xóa bỏ giai cấp làm mục tiêu cơ bản của mình. Với tính chất và nội dung như vậy, dân chủ xã hội chủ nghĩa không thể tự phát nảy sinh trong các xã hội trước, kể cả trong chủ nghĩa tư bản. Mọi quan điểm xem giá trị dân chủ đạt được trong chủ nghĩa tư bản tự nó đã mang tính chất xã hội chủ nghĩa, và sự mở rộng không ngừng những giá trị này tự nó sẽ dẫn tới dân chủ xã hội chủ nghĩa với đầy đủ nội dung của nó mà không cần thông qua cách mạng vô sản, chuyên chính vô sản... đều là ảo tưởng. Thực tế chứng minh rằng những yêu cầu dân chủ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động chỉ được giai cấp tư sản chấp nhận, khi những yêu cầu đó không đụng chạm căn bản tới quyền lực kinh tế, chính trị của giai cấp tư sản cầm quyền.

Từ lý do nêu trên, chúng ta “không thể thực hiện bằng cách nào khác ngoài thông qua chuyên chính vô sản, nền chuyên chính này kết hợp việc dùng bạo lực để chống lại giai cấp vô sản, tức là thiểu số trong dân cư, với việc phát triển chế độ dân chủ một cách đầy đủ, nghĩa là với việc làm cho toàn thể quần chúng nhân dân tham gia thực sự rộng rãi vào mọi công việc của Nhà nước và vào mọi vấn đề phức tạp trong việc thủ tiêu chủ nghĩa tư bản”⁽⁸⁾.

Điều đó cũng có nghĩa là, nền dân chủ rộng rãi cho quần chúng nhân dân, trước hết là nhân dân lao động, chỉ đạt được thông qua cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa chỉ có thể là kết quả hoạt động, tự giác của nhân dân thông qua cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo bởi một Đảng tiên phong của giai cấp công nhân. Bởi thế, Lênin cho rằng không có một Đảng sắt thép được tôi luyện trong đấu tranh, không có một Đảng được sự tín nhiệm của tất cả các phần tử trung thực trong giai cấp công nhân và nhân dân lao động, không có một Đảng biết nhận xét tâm trạng của quần chúng và biết tác động vào tâm trạng đó thì không thể tiến hành thắng lợi cuộc đấu tranh cho một nền dân chủ chân chính của nhân dân. “Chỉ có chính Đảng của giai cấp công nhân, - Lênin viết, - tức là Đảng cộng sản, mới có thể tập hợp, giáo dục, tổ chức đội tiên phong của giai cấp vô sản và tất cả quần chúng lao động... mới có thể chống lại nổi sụu dao động”⁽⁹⁾ nhằm xây dựng thành công nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

II. Quán triệt mối quan hệ giữa dân chủ và chủ nghĩa xã hội trong công cuộc đổi mới xã hội ở nước ta

- Quán triệt di sản tư tưởng trên đây của Lênin vào công cuộc đổi mới, Đảng ta xem “dân chủ là bản chất của chế độ mới, trong đó nhân dân, trước hết là nhân dân lao động, là người làm chủ đất nước; tất cả quyền lực thuộc về nhân dân”⁽¹⁰⁾. Tiếp tục tư tưởng đó, Đại hội VIII của Đảng xem “chế độ ta là chế độ do nhân dân làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là vấn đề có ý nghĩa chiến lược”, “xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là nội dung cơ bản của đổi mới hệ thống chính trị”⁽¹¹⁾ nói riêng, của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước nói chung. Đại hội IX của Đảng nêu rõ: “Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân gắn với việc phát huy dân chủ trong đời sống xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện dân

chủ trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ở tất cả các cấp các ngành.”⁽¹²⁾

- Việc hiện thực hóa những quan điểm trên đây trong quá trình đổi mới, dân chủ của nhân dân trên lĩnh vực chính trị, kinh tế, tư tưởng, tinh thần đã có bước tiến bộ đáng kể. Việc đa dạng hóa thành phần kinh tế trên nền tảng đa dạng hóa hình thức sở hữu đã trả lại cho mọi người dân tư cách một thực thể kinh tế; họ có toàn quyền phát huy năng lực kinh tế của mình trong khuôn khổ pháp luật. Sự thống nhất trong tính đa dạng về ý kiến, về thế giới quan trong giới hạn định hướng xã hội chủ nghĩa được giữ vững đã tạo ra sự phong phú của đời sống tinh thần. Cũng nhờ đó, con đường đi tới chân lý được mở rộng...

Những bước tiến về dân chủ thực sự đã đóng vai trò động lực to lớn của quá trình đổi mới.

Bên cạnh đó, hiện tượng dân chủ hình thức, bệnh quan liêu, cửa quyền ở một số địa phương và cơ sở còn là một cản trở lớn tới việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Mặt khác, cũng cần lưu ý rằng trong một số lĩnh vực về một vài vấn đề nào đó, ở nơi này, nơi khác lại có hiện tượng dân chủ quá trớn, dân chủ cực đoan, kỷ cương phép nước bị xem thường.

Chú ý tới thực tế trên đây, trong khi phát triển dân chủ tới mức tối đa có thể đối đầu với mọi tầng lớp nhân dân, cũng cần kiên quyết đấu tranh chống lại mọi hành vi đi ngược lại những giá trị dân chủ chân chính của nhân dân. Do vậy, dân chủ và chuyên chính không tách rời nhau. Lênin nói rằng dân chủ vô sản không loại trừ đấu tranh giai cấp; rằng chuyên chính nhất thiết có nghĩa là thủ tiêu dân chủ đối với giai cấp bị chuyên chính⁽¹³⁾. Khi nhấn mạnh sự cần thiết của chuyên chính để bảo vệ và phát triển thành quả dân chủ của nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng khẳng định: dân chủ cần phải có chuyên chính để giữ lấy dân chủ⁽¹⁴⁾.

Để những hành vi gây tác hại tới quyền dân chủ của nhân dân được xử lý kịp thời, đúng đắn, các quyền dân chủ đó được thể chế hóa thành hiến pháp, pháp luật... và được bảo đảm bằng những thiết chế tương ứng của Nhà nước. Ở đây, dân chủ và pháp luật, dân chủ và kỷ cương hẳn nằm trong sự thống nhất biện chứng, là điều kiện, tiền đề tồn tại và phát triển của nhau.

Đành rằng dân chủ xã hội chủ nghĩa được thực bằng cả một hệ thống thiết chế phức tạp do rất nhiều yếu tố tạo thành, nhưng với tư cách là trụ cột của hệ thống chính trị, Nhà nước là thiết chế quan trọng trong cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân. Muốn vậy, nó cần được thiết kế và vận hành theo nguyên tắc Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân và đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản; Nhà nước đó có chức năng thể chế hóa các quyền dân chủ của nhân dân thành hiến pháp, pháp luật... và tổ chức thực hiện chúng; pháp luật trở thành công cụ quản lý chủ yếu của Nhà nước đối với toàn xã hội.

Để mở rộng dân chủ, còn cần dân chủ hóa Đảng, làm cho Đảng trở thành tấm gương về dân chủ đối với hệ thống chính trị nói riêng, đối với toàn xã hội nói chung.

Quyền lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị cũng như toàn xã hội không tự nhiên mà có. Phải bằng sự tiên phong gương mẫu của Đảng viên và tổ chức cơ sở Đảng trong sự nghiệp phấn đấu vì lợi ích của nhân dân mà Đảng “được nhân dân tín nhiệm, giao nhiệm vụ lãnh đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng”⁽¹⁵⁾.

Sự lãnh đạo của Đảng cần được thực hiện bằng những phương pháp vốn có của một Đảng Mác-Lênin. Thông qua tuyên truyền, thuyết phục, giáo dục, nêu gương của Đảng viên và các tổ chức cơ sở Đảng, làm cho quần chúng thấy rõ tính đúng đắn trong các quyết định chính trị của mình. Khi quần chúng tiếp nhận những quyết định của Đảng với tư cách là sự tự quyết định của bản thân mình, họ sẽ phát huy tính chủ động, sáng tạo và khắc phục mọi trở ngại để thực hiện đầy đủ quyết định đó. Ngược lại, khi quần chúng thấy mình bị áp đặt thì những quyết định chính trị của dễ gặp phải sự thờ ơ, lãnh đạm của nhân dân. Khi đó các quyết định khó tránh khỏi bị “tắt ngấm” và không thể thực hiện có hiệu quả.

Sự lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực công tác cán bộ được thực hiện bằng việc đào tạo cán bộ và thông qua một cơ chế hợp lý để cán bộ của Đảng nắm những vị trí then chốt trong đời sống chính trị; Đảng kiểm tra sử dụng cán bộ và thông qua đội ngũ cán bộ của mình, Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo đối với Nhà nước, các tổ chức kinh tế – xã hội khác.

Đảng là người lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời cũng là yếu tố cấu thành hệ thống đó. Do vậy, Đảng viên và tổ chức Đảng cũng phải tuân thủ pháp luật, đặt mình dưới sự giám sát của pháp luật. Đảng lãnh đạo theo nguyên tắc tập trung dân chủ.

Để phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, cùng với việc đổi mới Đảng và Nhà nước như đã nêu trên, mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội khác của nhân dân cũng cần được đổi mới theo hướng:

- Đoàn kết tất cả mọi người thuộc các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt ở trong nước và định cư ở nước ngoài tán thành mục tiêu: “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh”. Xoá bỏ mọi định kiến, mọi mặc cảm.

- Cần có chủ trương, chính sách, luật pháp đúng đắn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội nhằm đáp ứng nguyện vọng và lợi ích chính đáng của các giai tầng xã hội.

- Mặt trận vận động, tổ chức nhân dân xây dựng, củng cố, bảo vệ chính quyền; thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc ngay trong tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước.

- Mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc bằng các hình thức đa dạng thích hợp với từng giới, từng thành phần xã hội, từng địa phương và cơ sở.

Cùng với việc mở rộng mặt trận, cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, củng cố khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, là cho nó thực sự là nền tảng của Mặt trận.

Mặt trận làm việc theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, hợp tác bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên theo chương trình hành động chung.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, việc đổi mới hệ thống chính trị đặc biệt phải chú ý tới việc đáp ứng những lợi ích đa dạng và chính đáng của con người, trong đó cần lưu ý tới cả những lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần. Như người ta thường nói, con người sống không chỉ duy nhất bằng cơm gạo hoặc những phương tiện vật chất hiện đại. Con người còn sống bằng sự thật và lương tâm, bằng sự công bằng và tự do, bằng đạo đức và lòng nhân ái. Cái khiến

người ta không yêm tâm, thậm chí phần nộ, chính là tình trạng thiếu công bằng, thang giá trị xác định vị trí của con người trong sự phát triển xã hội bị đảo lộn theo hướng không lành mạnh. Việc khắc phục tình trạng đó đòi hỏi phải xác định đúng quyền hạn và tách nhiệm, công hiến và hưởng thụ, trừng trị thoả đáng những kẻ thoái hoá, lạm dụng quyền lực gây ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển xã hội. Không như vậy, bầu không khí dân chủ, đạo đức xã hội sẽ suy giảm, nhiệt tình cách mạng của quần chúng khó có thể phát huy. Do đó, cuộc đấu tranh cho công bằng xã hội, xóa bỏ những hiện tượng tiêu cực tương như “nhỏ nhất” đó không chỉ có ý nghĩa củng cố, bảo đảm quyền lực của hệ thống chính trị mà còn có ý nghĩa to lớn tới sự phát triển xã hội. Lênin từng cảnh báo rằng đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa, chỉ tiêu diệt những “con thú dữ” (tức là những giai cấp bóc lột) thì chưa đủ; Rằng, chúng ta bỏ qua sự bùng cháy của những “thèm khát nhỏ nhen” và mở rộng khoảng trống cho bọn “ăn bám nhỏ nhen”, cho bọn, “cướp vặt” những giá trị xã hội thì cách mạng không thể tiến lên được.

Việc thực hiện có hiệu quả một số phương hướng nêu trên sẽ thúc đẩy quá trình hoàn thiện hệ thống chính trị, nâng cao hiệu quả của nó đối với sự phát triển kinh tế – xã hội và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đó là điểm mấu chốt để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Kết luận

Dân chủ và chủ nghĩa xã hội có mối quan hệ biện chứng thống nhất. Dân chủ không chỉ là yêu cầu, khát vọng của nhân dân và xu thế của thời đại, mà còn là mục tiêu, động lực cho sự nghiệp đổi mới vì chủ nghĩa xã hội. Quá trình dân chủ hoá là quá trình từng bước hoàn thiện chế độ dân chủ XHCN, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân, chỉ trở thành hiện thực một khi gắn liền với phát triển kinh tế xã hội, với việc đổi mới, kiện toàn hệ thống chính trị, với việc nâng cao dân trí, ý thức công dân của nhân dân và đồng thời với việc đấu tranh chống khuynh hướng dân chủ cực đoan quá khích. Nhân tố có ý nghĩa quyết định đảm bảo cho quá trình thực hiện dân chủ và xây dựng chủ nghĩa xã hội là phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, vai trò quản lý của nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

Chú thích trích dẫn:

1. V.I.Lênin Toàn Tập, Nxb Tiến Bộ Matxcova, Tập 27, 1980, Tr 324.
2. V.I.Lênin Toàn Tập, Nxb Tiến Bộ Matxcova, Tập 30, Tr 92.
3. V.I.Lênin Toàn Tập, Nxb Tiến Bộ Matxcova, Tập 30, Tr 92.
4. V.I.Lênin Toàn Tập, Nxb Tiến Bộ Matxcova, Tập 11, Tr 130.
5. V.I.Lênin Toàn Tập, Nxb Tiến Bộ Matxcova, Tập 30, Tr 92.
6. V.I.Lênin Toàn Tập, Nxb Tiến Bộ Matxcova, Tập 27, Tr 78.
7. V.I.Lênin Toàn Tập, Nxb Tiến Bộ Matxcova, Tập 49, Tr 470.
8. V.I.Lênin Toàn Tập, Nxb Tiến Bộ Matxcova, Tập 30, Tr 93.
9. V.I.Lênin Toàn Tập, Nxb Tiến Bộ Matxcova, Tập 43, Tr 3.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết của Bộ chính trị về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay, tr 9 – 10.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, tr. 43-44.
12. Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb CTQG, Hà Nội 2001, tr. 124.
13. V.I.Lênin Toàn Tập, Nxb Tiến Bộ Matxcova, Tập 37, tr. 292.
14. Hồ Chí Minh Toàn tập, Tập 7, tr. 549.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nghị quyết của Bộ chính trị về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay, tr. 12.

